

GIỚI THIỆU CÁC
LUẬT
THỂ
CÁCH LÀM

TUẤT

HOÀNG XUÂN HOẠ
(Biên soạn)



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

GIỚI THIỆU CÁC
LUẬT THƠ, THỂ THƠ
CÁCH LÀM THƠ

HOÀNG XUÂN HỌA
BIÊN SOẠN

GIỚI THIỆU CÁC
LUẬT THƠ, THỂ THƠ,
CÁCH LÀM THƠ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Rằm tháng giêng năm Quý Mùi, Hội Nhà văn Việt Nam phối hợp với Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Nội đã tổ chức thành công Ngày thơ Việt Nam tại Trung tâm Văn hóa - khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Lá cờ thơ thiêng liêng cũng được tạo từ ngày đó với hình chim lác sải cánh bay quấn quýt cùng chữ thơ giữa nền cờ ngũ sắc cổ truyền được kéo lên trước nhà Thái Miếu trong hương xuân tươi nồng trên bầu trời lồng lộng với sự chứng kiến của hàng ngàn người yêu thơ và các nhà thơ. Cũng ngày đó, tại các tỉnh, thành phố trong cả nước từ Yên Bái, Tuyên Quang, Phú Thọ, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ...cho tới đất Mũi Cà Mau đều diễn ra những hoạt động sôi nổi, phong phú dành cho thơ và người yêu thơ. Cũng

từ ngày đó, làng báo có thêm tờ báo *Thơ* (phụ bản của báo Văn Nghệ) được bạn đọc và người yêu thơ cả nước đón đợi, hoan nghênh. Sự kiện này chứng tỏ, trong đời sống tinh thần của người Việt Nam, thơ luôn có vị trí cao sang và rất được trọng thi.

Để giúp người làm thơ và người yêu thơ tham khảo về các luật thơ, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn "*Giới thiệu các luật thơ, thể thơ, cách làm thơ*" của tác giả Hoàng Xuân Họa. Rất mong các ý kiến đóng góp, xây dựng của bạn đọc gần xa để lần tái bản sau được tốt hơn.

Hà Nội tháng 6 năm 2004
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Phần I

GIỚI THIỆU CÁC LUẬT THƠ, THỂ THƠ, CÁCH LÀM THƠ

1. VỀ NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT.

Với tính đặc biệt của ngữ âm tiếng Việt, tên gọi con người, tên chỉ đồ vật, các giống vật, đến những từ chỉ thiên nhiên: trăng, sao, gió, nước, mây trời... khi nói thành lời tự thân đã luyến láy nên những vần điệu du dương êm ái; người làm thơ chỉ cần xếp đặt theo ý mình là thành những bài thơ dài ngắn, theo các thể thơ truyền thống, hoặc niêm luật bó buộc như thơ Đường luật, để bày tỏ mọi biểu hiện tâm trạng của cuộc sống con người. Đó gọi là các thanh bằng, thanh trắc, các từ ngữ:

Thanh bằng và thanh trắc:

-**Bằng:** (B) Là những tiếng có thanh cao và ngắn, như những tiếng "Đoản - Bình - Thanh" (tiếng không có dấu) hay có thanh thấp mà dài như tiếng "Tràng - Bình - Thanh" (tiếng dấu giọng huyền).

Trắc: (Tr) Là những tiếng có thanh thấp mà ngắn, những tiếng: "Tượng thanh," (có dấu giọng sắc). "Hồi thanh" (có dấu hỏi). "Khú thanh" (có dấu ngã). "Hạ thanh" (có dấu nặng).

Thanh Bằng có thể biến đủ ra 6 thanh, tức là 2 thanh bằng và 4 thanh trắc.

Vần Bằng:

- Đang = (Doản bình thanh) = không dấu.
- Đàng = (Tràng bình thanh) = dấu huyền.

Vần trắc:

- Đáng = (Tượng thanh) dấu sắc.
- Đảng = (Hồi thanh) = dấu hỏi.
- Đãng = (Khú thanh) = dấu ngã.
- Đặng = (Hạ thanh) = dấu nặng.
- Vần quốc ngữ: Có vần chính, vần thông.

Vần Chính:

Vần chính là những tiếng đồng âm như: anh, oanh, inh, uynh, phu, thu, xu... pù, thù, xù...(vần bằng). Thế, sế, lù, lĩ, bỏ, cỏ, bồ, sổ, bặng, lặng...(vần trắc).

Vần thông:

Vần thông là những tiếng cùng thanh bằng: xanh, xinh, đông, tây, thư, thơ, thâm...

2. GIEO VÂN TRONG THƠ:

Vân là phương thức lắp lại cấu thành câu thơ, để tạo ra nhịp điệu làm tăng sức gợi cảm, đọc cho êm, dễ nhớ, dễ thuộc. Vân được phân biệt theo từng vị trí: **vân chính, vân chân, vân lồng và vân thông.** Vân có chức năng tách biệt từng dòng thơ, liên kết giữa câu trước với câu sau để tạo âm hưởng, nhạc điệu cho câu thơ, nhằm làm nổi bật ý nghĩa câu thơ, đoạn thơ.

Vân chính.

Vân chính là sự phối hợp âm thanh ở mức độ cao giữa các tiếng được gieo vân, những tiếng cuối câu gieo vân giống nhau, riêng các tiếng đầu câu có gieo vân phải khác nhau:

Say xưa, người khách lạ Bồng **lai**
 Giận lũ chim kia khúc khích **hoài**.
 Van khẽ gió dừng vì vút nưa
 Nhưng mà chim, gió có nghe **ai**.
 (Thé Lữ)

Thơ ngâm dở giọng, thời chưa **thuận**
 Tan tiệc quần anh, người nuốt **giận**
 Chim nhạn, chim hồng rét mướt bay
 Vuốt cọp chân voi còn lặn **dận**.

(Thám Tám)

Tại anh chỉ tại anh
Em dễ quên dễ nhớ
Nhìn chi cũng hóa thành
Gương mặt anh rực rỡ.

(Lê Thị Kim)

Hãy cất đi nơi ánh mắt của em
Cái tia chớp bàng hoàng ghê gớm ấy
Biển phút lặng mong dừng khơi sóng dậy
Chấm buồm xa đâu phải đã bình yên.

(Tô Hào)

Vần châm (cước vận):

Vần châm được gieo ở cuối câu thơ với tác dụng kết thúc câu thơ, nó còn tạo mối liên kết các câu thơ với nhau. Vần châm rất đa dạng: lúc liên tục, khi gián cách, lúc ôm nhau, khi hỗn hợp:

Liên tục:

Lại nảy nòi ra họ chích **choè**
Quan thi án sát, đỗ ông **nghè**
Áo xiêm đứng đĩnh coi ra **vé**
Cờ bạc rong chơi đủ ngón **nghề**.

(Nguyễn Thiện Kế)

Mỗi khi mưa ngọt, cơn giông **qua**

Xắn áo ra vườn ta lượm **hoa**

Những cành vô duyên theo gió **rã**

Vừa cười vừa khóc, ta chôn **hoa**.

(Hàn Mạc Tử)

Thôi em đi nhé em vui **mãi**

Anh muốn em sung sướng suốt **đời**

Xa nhau hẹn ngày mai gặp **lại**

Nhin nhau thấy đã lớn hơn **rồi**.

(Nguyễn Đình Thi)

Chùa lấp sau rừng cây

(Thuyền ta đi một ngày)

Lên cửa chùa ta thấy

Hơn một trăm ăn mày.

(Nguyễn Nhược Pháp)

Sông Mã xa rồi Tây tiến ơi!

Nhớ về rừng núi nhớ chơi với

Sài Khao sương lấp đoàn quân mồi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi.

(Quang Dũng)

Em vác cuốc thăm đồng
Lúa sây hạt nặng bông
Thấy vui vui trong lòng
Em mong ngày toàn thăng...

(Trần Hữu Thung)

Gián cách:

Trời xanh thế! Hàng cây thơ biết **mẩy!**
Vườn non sao! Đường cỏ mộng bao nhiêu
Khi Phạm Thái gặp Quỳnh Như thuở **Ấy**
Khi chàng Kim vừa được thấy nàng Kiều.

(Xuân Diệu)

Anh đọc truyện em **nghe**
Em muốn làm cô "Tấm"
Lòng - hoàng tử anh **mê**
Từ buổi đầu em lấm...

(Yến Lan)

Anh xa cách em như đất liền xa cách **bề**
Nửa đêm sâu nằm lắng sóng phương em
Em thân thuộc sao thành xa lạ **thế**
Sắp gặp em rồi sóng lại đẩy xa thêm...

(Chế Lan Viên)

Vừa chǎn mười xuân tôi vui với lão
 Nhờ cây bút anh một phút nhập **thần**
 A! Râu tóc hát cùng khăn áo
 A! Quạt gập múa cùng tay **chân**.

(Trần Lê Văn)

Ôm nhau:

Em cứ hẹn nhưng em đừng đến **nhé**
 Để lòng buồn tôi dạo khắp trong sân
 Ngó trên tay thuốc lá cháy lui dần

Tôi nói khẽ: ôi, làm sao nhớ **thế!**

(Hồ Dzénh)

Sương giăng mờ trên ngõ Tạm Thương

Ngõ rất cụt mà lòng xa thẳm
 Ngõ bảy thước mà lòng muôn dặm

Thương một đời đâu phải tạm **thương.**

(Chế Lan Viên)

Hôn hợp:

Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
 Một già gia đình, một đứng **dứng.**
 Ly khách! Ly khách! Con đường **nhỏ.**

Chí lớn chưa về bàn tay **không**.

Thì không bao giờ nói trở **lại**!

Ba năm, mẹ già cung đừng **mong**.

(Thám Tâm)

Chảy trên bình minh đang hé giữa làn môi

Và rung động đã bừng trên nét mặt

Một rạng đông với màu hồng ngọc-

Cây sỉ xanh gọi họ đến ngồi

Trong bóng rợp của mình, nói tối ngày mai.

(Nguyễn Mỹ)

Vần lưng (yêu vận)

Là vần được gieo ở giữa câu thơ.

Trong thơ Song thất lục bát:

Cùng trông lại mà cùng chalendar **thấy**

Thấy xanh xanh những **mây** ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một **màu**

Lòng chàng ý thiếp ai **sầu** hơn ai?

(Đoàn Thị Điểm)

Nỗi bèo nước đã thôi thời **thế**

Tình cỏ sương khôn **dè** mà khuây

Phòng văn trở lại gót **giày**

Chén tương tư rót cho **đầy** lại vời.

(Tản Đà)

Trong thơ tự do:

Này hoa ngọc đã giật mình trăng **muốt**

Thoáng lay mình gió **vuốt** bỗng lao đao

(Xuân Diệu)

Tuổi hai mươi khi hướng đời đã **thấy**

Thì gian nan gấp **mây** cũng lên đường.

(Bùi Minh Quốc)

Trong thơ Lục Bát:

Đêm qua dưới bến xuôi **đò**

Thương nhau qua cửa tờ **vò** nhìn nhau.

Anh đi đâu, anh về **đâu?**

Cánh buồm nâu...cánh buồm **nâu**...cánh buồm...

(Nguyễn Bính)

Có thể gieo vần lồng ở tiếng thứ 4 câu bát:

- Núi cao chi lấp núi **ơi**

Núi che mặt **trời** không thấy người thương.

- Hà Nội băm sáu phố **phường**

Hàng Gạo, hàng **Đường**, hàng Muối trăng tinh.

- Thấy anh em cũng muốn **theo**

Em sợ anh **nghèo**, anh bán em đi
 Lấy anh em biết ăn gì?
 Lộc săn thi chát, lộc si thi già.
 (Ca dao)

Vần thông.

Là một loại vần được tạo nên để phối hợp các âm thanh với nhau, không hoàn toàn cứ phải lắp lại và có thể chỉ hơi giống nhau:

Đồng vần trắc:

-Giếng nước gốc đa nhớ người ra **lính**
 Anh với tôi biết từng cơn ớn **lạnh**.
 (Chính Hữu)
 -Chỉ lá rụng dạt dào trên mái **phố**
 Dẫu em biết rằng anh, anh cũng **nhớ**.
 (Xuân Quỳnh)

Đồng vần bằng:

-Tôi cũng trông thấy người tôi **yêu**
 Ngồi cạnh suối trong cởi yếm **đào**.
 (Hàn Mặc Tử)
 -Tiếng gió lùa qua thúc mộng **chim**
 Phá tan hương khói giấc êm **đêm**.
 (Vân Đài)

-*Hồng chưa hồng lăm xanh còn xanh*

Mỗi đoạn đường qua, lại ngắm mình

Yêu lăm, chút nắng chiều ngả phố

Tóc thơ trên hải mái, bồng bềnh.

(Lưu Trọng Lư)

-*Phải đâu mẹ của riêng anh*

Mẹ là mẹ của chúng mình đấy thôi

Mẹ tuy không đẻ không nuôi

Mà em ơn mẹ suốt đời chưa xong.

(Xuân Quỳnh)

-*Trôi đi thuyền! Cứ trôi đi xa nữa!*

Võ giảng khuya bơi mãi! Cảnh chèo mờ!

Lòng ta là những hàng thành quách cũ

Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.

(Vũ Đình Liên)

3. LÁY TỪ TRONG THƠ.

Trong ngôn ngữ tự nhiên, các loài vật, đồ vật đọc lên đã có sự lấy từ, như tên gọi, để mô phỏng âm thanh, những vật cụ thể nhìn thấy, nghe thấy. Từ láy nguyên tiếng sóng đôi: *Cong cong, thảng thảng,*

trùng trùng. Láy đồi âm: *Du Đù* (quả), *Chào mào* (chim), *cuốn cuộn* (sóng). Láy ba từ: *té té te* (tiếng gà gáy -Nguyễn khuyển), *dài dằng dặc, hòm hòm hom*: (*Nứt ra một lỗ hòm hòm hom*- Hồ Xuân Hương). Láy bốn từ: *Thì thà thì thút, nhêch nhả nhêch nhác, túng túng túng túng*:

-Non non, nước nước, tình tình
Vì ai ngờ ngắn, cho mình ngắn ngờ.
(Tú Xương)

Buổi Sớm

Tai nghe gà gáy té té té
Bóng cúc vừa lên hé hé hé
Non một chồng cao von vót vót
Hoa năm sắc nở loè loè loe...
Chim tình bầu bạn kia kia kia...
Ôn nghĩa vua tôi nhẹ nhẹ nhẹ
Danh lợi mặc người ti tí tí
Ngủ trưa, trưa dậy khoè khoè khoe...
(KD)

Láy từ trong thơ để tạo sự nhịp nhàng khi tả hành động, mô phỏng âm thanh, màu sắc, tả sự kỳ vĩ của thiên nhiên người làm thơ quan sát được.

-Trời đất sinh ra đá một chòm
 Nứt ra đôi mảnh **hởm hòm hom**
 Kẽ hầm rêu mốc trơ **toen hoen**
 Luồng gió thông reo vỗ **phập phòm**
 Giọt nước hữu tình rơi **lôm bõm**
 Con đường uô ngạn tối **om om...**

(Hồ Xuân Hương)

-Tai **nương nước** giọt mái nhà
 Nghe trời **nặng nặng**, nghe ta **buồn buồn...**
Rơi rơi...dịu dịu rơi rơi...
 Trăng muôn giọt nhẹ nói lời **vú vơ.**

(Huy Cận)

-Những thằng cu áo đỏ chạy **lon xon**
 Vài cụ già chống gậy bước **lom khom**
 Cô yếm thăm che môi cười **lặng lẽ**
 Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ.

(Đoàn Văn Cừ)

Lý đổi vần:

-Tre **rũ rượi** ven bờ chen **ướt át**
 Chuối **bơ phờ** đầu bến đứng dầm mưa
 Và dầm mưa dòng sông tuôn **rào rạt**
 Mặc con thuyền cắm lái đậu **vú vơ**

- Trên bến vắng, đắm mình trong **lạnh lêo**

Vài quán hàng không khách đứng **xo ro**

Một bác lái ghé buồm vào hút điếu

Mặc bà hàng **sù sụ** sắc hơi ho.

(Anh Thơ)

4. ĐIỆP NGỮ TRONG THƠ.

Điệp ngữ là một phương pháp cố ý lặp lại nhằm mục đích nhấn, để mở rộng ý và gây ấn tượng mạnh, gợi cảm xúc cao cho người đọc, người nghe. Một từ, hay một cụm từ được dùng nhiều lần sẽ làm người đọc chú ý. Điệp ngữ chia làm nhiều dạng: **Điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ vòng tròn.**

* **Điệp ngữ nối tiếp:** Là những từ ngữ trực tiếp lặp lại đúng liền nhau nhằm tạo ấn tượng mới mẻ cho câu thơ, đoạn thơ:

- **Ai rao** săn, **rao my**...ai rách lành vạt áo

Sao bây giờ lăm tiếng **rao** đêm...

- Tiếng **rao** đêm cứ thốn thức bối hồi

Như **tiếng gió**, **tiếng mưa**, **tiếng cuộc đời**
lầm lũi

Giá tôi đủ tiền mua hết tiếng **rao** đêm?

(Dương Kỳ Anh)

-Ô! hoá ra súc vật cũng biết **quỳ**?

Voi **quỳ**, ngựa **quỳ**, chúa sơn lâm **quỳ** nốt.

(Võ Thành An)

-Mồng manh tà-áo trăng dài

Mồng manh mồng mảnh bờ vai một người

Mồng manh giảng mắc lòng tôi

Mồng manh mồng mảnh một lời đong đưa.

Mồng manh đi sớm về trưa

Mồng manh mồng mảnh...lời chưa hết lời...

(Định Hải)

-Một dải, một biển, một trăng

Một hàn Mạc Tử vĩnh hằng nằm đây

Một tôi nay viếng chốn này

Một tim, một óc... từng say thơ vàng

Bạc tình một kiếp thi nhân

Bạc duyên bạc số bạc thân xác người

Một xưa đèn bạc cuộc đời

Một nay hết bạc chẳng tôi với tình...

(Diệp Minh Tuyền)

* **Điệp ngữ cách quãng:** Một hình thức lặp lại đứng cách nhau vừa gây ấn tượng nổi bật vừa như có độ vang của âm thanh cho từng câu thơ, đoạn thơ:

-Xứ sở thật thà sao lăm thú **điếm**

Điếm biệt thự -**điếm** chợ - **điếm** vườn

Điếm cấp thấp bán trôn nuôi miệng

Điếm cấp cao bán miệng nuôi trôn.

(Nguyễn Duy)

-Nếu mà không nghe tiếng

Đó là **những** nỗi đau sâu

Khóc mà không thấy nước mắt

Đó là **những** nỗi đau lâu

Tôi sợ **những** nỗi đau như vậy

Như **dao** nào thấy **dao** đâu.

(Phạm Hổ)

-Em **vừa** **đủ** để anh khao khát

Vừa **đủ** làm cho anh thật là anh

Trời chớm thu **vừa** **đủ** nét xanh

Quả chua ấy cũng **vừa** **đủ** ngọt.

(Trần NhuƠng)

-Gió **thỉnh thoảng** đưa vui trong tán lá

Thỉnh thoảng chim thảng thốt cất lời ca

Hoa **thỉnh thoảng** đưa hương vào hoang vắng

Còn một người **thỉnh thoảng** ngoái nhìn ta

Sông **thỉnh thoảng** dào lên vài đợt sóng
 Biển vô tư **thỉnh thoảng** hoá bạc đầu
 Trăng **thỉnh thoảng** giấu mình vào mây trắng
 Có hai người **thỉnh thoảng** nhớ về nhau.

(Nông Thị Ngọc Hoà)

* **Điệp ngữ vòng tròn:** Chữ cuối câu trên được lặp lại ở đầu câu dưới rồi cứ thế truyền xuống các câu khác như từng đợt sóng vỗ vào bờ đá triền miên:

-Ngày ngày em đứng **em trông**

Trông non non ngất, trông sông sông dài.

(Cao dao)

-Tao ở nhà tao, tao **nhớ mi**

Nhớ mi nên phải bước chân đi

Không đi mi nói rằng không đến

Đến thì mi nói đến làm chi.

(Nguyễn Công Trứ)

-Ai đã hay đâu tớ chán **đời**

Đời chưa chán tớ, tớ còn **chơi.**

Chơi cho đời chán, cho **đời chán**

Đời chán nhau thời tớ sẽ thôi.

(Tản Đà)

Em là... chả của riêng ai

Riêng ai là trúc là mai, **chả là**

Chả là ai của **người ta**

Người ta băng giá, mình là tuyết rơi.

(Thân Đức Thi)

-Nụ tầm xuân xanh biếc, mà **em đã có chồng**.

Em đã có chồng rồi, nụ tầm xuân vẫn biếc

Hoa bưởi vẫn nồng thơm... và cái điếu anh **tiếc**

Tiếc nụ tầm xuân xanh biếc, nụ tầm xuân.

(Bé Kiến Quốc)

Điệp song từ: Là từng cặp từ trùng nhau:

Con Vẹt

Trong bọn chim lồng đáng quí mầy,

À à miệng tiếng học in thẩy.

Khuya khuya sáng sáng **chiều chiều** lấp,

Dạ dạ thưa thưa bẩm bẩm hay.

(Phan Bội Châu)

Sự Đời

Vất vất, vơ vơ cũng nực cười

Căm cắm, cúi cúi có hơn ai

Nay còn **chị chị, anh anh** đó
Mai đã ông ông, cụ cụ rồi!
Có có, không không lo hết kiếp
Khôn khôn, dại dại chết xong đời!
Chi bằng láo láo, lơ lơ vậy
Ngú ngủ, ăn ăn nói chuyện chơi!

(KD)

Điệp thanh bằng: Là những câu thơ dùng toàn thanh bằng, để khơi gợi cảm giác bao trùm tạo cảm xúc lâng lâng tràn tràn ngây ngất cho người thưởng thức. Như trường hợp hai câu thơ sau đây của Xuân Diệu:

-Sương nương theo trăng ngừng lung trời
Tương tư nâng lòng lên chơi với.

Tản Đà:

- Theo hai cô tiên lên đường mây.
- Trông lên chư tiên không còn ai.
- Giang hồ mê chơi, quên quê hương.

Và Bích Khê:

- Trăng đan qua cành muôn tay êm
Mây nhung pha màu thu trên trời.

Bài Tỳ Bà của Bích Khê với 7 khổ 28 câu được dùng toàn thanh bằng (Xin xem phần phụ lục). Và chúng ta còn gặp ở những nhà thơ khác:

- Đêm nay, ta nằm nghe mưa rơi
Nghe tiếng trời gầm xa lắc.*
- Em ơi! Sao tóc em thơm vây
Hay em vừa đi qua vườn sầu riêng.*

(Lê Anh Xuân - Ca Lê Hiển)

- Trường Sơn Tây anh đi, thương em
Bên ấy mưa nhiều, con đường gánh gạo...*
- Em thương anh bên Tây mùa đông
Nước khe cạn bướm bay lèn đá...*

(Phạm Tiến Duật)

- Hoa như mưa rơi rơi
Cánh mỏng manh tan tác đỏ tươi
Như máu ứa một thời trai trẻ
Hoa như mưa rơi rơi*

(Thanh Tùng)

- Thư anh tin ngày về
Cho vầng trăng hẹn mọc
Trong ngắn cau hoa thơm
Mây chớm màu tha thiết.*

-Trăng non nghiêng qua rỗi
 Bom rung vầng trăng khuyết
 Xô thuyền trong xa xôi
 Giữa gập ghềnh núi biếc...
 Gặp nhau tròn mùa trăng
 Em trẻ như bầu trời
 Vòng tay anh đầm thăm
 Giấu lời ru trên môi...
 -Mong chờ em mong chờ
 Vầng trăng xinh- gương mặt
 Sáng sáng đầy theo anh
 Suốt chặng đường đánh giặc.

(Lê Thị Mây)

5. PHƯƠNG PHÁP SÓNG ĐÔI TRONG THƠ.

Sóng đôi được dùng trong thơ để tạo mối tương tác giữa ngữ và nghĩa, tạo sự dồn dập, tạo hình ảnh nổi bật làm phong phú câu thơ, đoạn thơ, để dễ nhớ, dễ thuộc:

-Trời trong veo
Nước trong veo
Em buông mái chèo
Trên dòng Hương Giang.

(Tố Hữu)

-Cuộc đời **vân đẹp sao**

Tình yêu **vân đẹp sao**

Dù đạn bom man rợ thét gào...

-**Một** tiếng chim ngân

Một làn gió biển...

-**Thức dậy bao điều** mới mẻ **trong em**

Thức dậy bao điều cao quý **trong em.**

(Đương Hương Ly - Bùi Minh Quốc)

-Nhưng tôi biết, **cái màu đỏ ấy**

Cái màu đỏ như **cái màu đỏ ấy**

Sẽ là bông hoa chuối đỏ tươi,

Trên đỉnh dốc cao vâng gọi đoàn người!

(Nguyễn Mỹ)

6. ĐẢO NGỮ TRONG THƠ.

Vũ Từ Trang gọi là "*cách nói ngược*". Đảo ngữ là sự cố ý có chủ định vi phạm trật tự chuẩn mực các đơn vị ngữ pháp trong câu để tạo đường nét, màu sắc, tạo hình ảnh, để nhấn mạnh, để thể hiện sắc thái biểu cảm, một là để bắt vẫn, hai là gây ấn tượng:

-Cái gái đời nay, gái mới ngoan

Quyết lòng ẩn chiến với **Tây quan.**

(Nguyễn Khuyễn)

-Dòng đời lệ chảy mang mang

Chống chèo tay trắng vẫn hoàn trắng tay.

(Nguyễn Thanh Kim)

-Bàn tay ấy **chở che** và **gìn giữ**

Biết ơn em, ta từ miền **cát gió**.

(Lưu Quang Vũ)

-Mẹ thường khen hàm răng con đẹp

Hé môi cười ánh sáng cười theo.

- **Tóc bối, tai căng, tay vòng** lấp lánh

Con đi theo hướng mặt trời.

(Thu Bồn)

-Cay đắng ngọt bùi cuộc đời kháng chiến

Nói sao hết em ơi bao kỷ niệm.

(Tế Hanh)

-Nơi đêm khuya vọng lại tiếng còi tàu

Bỗng nhớ xa xôi những miền đất nước...

-Dưa hấu bỗn ra thơm suốt ngày dài

Em cũng mát lành như trái cây mùa hạ.

(Lưu Quang Vũ)

-Chưa biết hẹn cùng ai, lòng đã núi

Mới Pha Đin đã bối rối Điện Biên rồi

*Qua chót vót đỉnh rừng, thăm thăm núi
Mây che mùa chiến dịch vẫn còn bay.*

(*Nguyễn Hữu Quý*)

Quang Dũng "có cách nói ngược (đảo ngữ) rất duyên và tạo ra một cách nói rất Quang Dũng. Ví dụ:

-*Gió mùa chết héo mạ non xanh*

(nhẽ ra, nếu nói thuận, thì: Mạ non chết héo vì gió mùa)

-*Sương muối thăm vào bao đạn ướt*

(nếu nói thuận, thì: Mạ non chết héo vì sương muối)

-*Tiếng hát dân quân đâu vọng gác*

(nếu nói thuận, thì: Đâu vọng gác vang tiếng hát của dân quân).

Cách viết của ông, đã ảnh hưởng nhiều đến thế hệ trẻ. Nhiều người đã học tập và bắt trước cách viết của ông".

Vũ Từ Trang

(*Báo Người Hà Nội* số 41, ngày 10/10/2003).

Tiện đây chúng tôi cũng xin nêu lại một từ trong một bài thơ cổ, bài "*Cảnh Thu*" có một câu thơ đã gây tranh luận qua mấy thập kỷ: "*Túi lung phong nguyệt nặng vì thơ*". Người sửa tiếng "*lung*" thành

tiếng "nghêng": "Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ"; người đổi tiếng "lung" thành tiếng "lèn": "Túi lèn phong nguyệt nặng vì thơ"; người cho là tiếng "lung" ấy, ý là "lung lung" là voi là không đầy; người lại bảo cái túi thơ ấy đeo sau lưng... Trời ạ! Đó chỉ là biện pháp đảo ngữ: "lung túi gió trắng" mà thôi. Vì trong truyện Kiều Nguyễn Du đã viết "*Để huể lung túi gió trắng*" mất rồi. Tác giả không muốn người đọc nghĩ mình đạo văn người khác nên đảo ngữ ra thế. Tốn giấy mực quá đi thôi!

7. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI LẬP TRONG THƠ.

Một khi không gieo nỗi vần có thể dùng phương pháp đối lập tiếng, đối lập vần, đối lập địa danh để tạo âm hưởng. Chế Lan Viên thường dùng phương pháp này:

* **Đối lập từng cặp tiếng:**

-Sợ nhất khi xuống địa phủ, bên vạc dầu của quỷ

Lại thi nhân cùng **thi nhân chạm trán, va đâu.**

-Sao làm thơ không có nghề như thợ nhỉ?

Nghề **đếm lá**, nghề **trồng sao**, nghề **tát bể**.

(Chế Lan Viên)

-Ta lại gặp những mặt người ta yêu biết mấy

Ta nhìn, ta ngắm, ta say

Ta run run nắm những bàn tay

Thương nhớ dồn trong tay ta nóng bỏng.

(Lê Anh Xuân)

* **Đối lập vần:**

-Trăng viên mãn cuối trời đêm đêm em có **nhớ**

Mặt trăng từng khuất nửa ở trong **nhau**.

(Hoàng Hữu)

-Tôi đứng nhìn em đi giữa sớm mai

Chiếc áo mưa xanh lên màu trời rộng

Em đi khuất rồi tôi còn đứng lặng

Chiếc hôn đêm qua vẫn nóng bồi hồi.

(Vũ Quốc Ái)

-Bữa ấy chúng ta chưa hình dung được

Ngay khúc sông đây lại có cây cầu

Sông rộng mênh mông con đò lá lúa

Ta thương con đò như ta thương nhau.

(Vũ Quán Phương)

* **Đối lập địa danh:**

-Sông quang vinh mà chết cũng quang vinh.

Của **Bãi Sậy, Thái Nguyên và Yên Bái.**

Là thi sĩ nghĩa là theo gió mới

Tìm ý thơ trên ngọn sóng **Bạch Đằng,**

Để tâm hồn dào dạt với **Chi Lăng,**

Làm bất tử trận **Đống Đa** oanh liệt.

(Sóng Hồng)

-Những hội hè đình đám

Trên núi **Thiên Thai**

Trong chùa **Bút Tháp**

Giữa huyện **Lang Tài.**

(Hoàng Cầm)

8. PHẢN NGỮ TRONG THƠ.

Trong thơ dùng phản ngữ để châm biếm một sự việc, để so sánh một vấn đề, để đối lập màu sắc, để nói khác nhau nhằm làm nổi bật đối tượng miêu tả:

-Có **bát sứ** tình phụ **bát đàn**

Nâng niu bát sứ **vỡ tan** có ngày.

-Xin đừng thấy quế phụ hương

Quế già **quế rụi** hương trường **thơm xa.**

(Ca Dao)

-Đã năm mươi cái xuân xanh
 Khi **ông**, khi **chú**, khi **anh**, khi **thằng**
 Ngâm dời lầm cái lăng nhăng
 Khi **ông** cười **chó**, khi **thằng** cười **voi**.

(Phan Huy, Cán thơ)

-Em hối lộ **đoá hoa** một nụ cười rượu chát
 Anh tham ô **trời đất** mấy câu thơ.

(Nguyễn Trọng Tạo)

9. CÁCH ĐỐI ÂM TRONG THƠ, PHÚ:

Đối: Là lối đặt riêng sóng đôi cho tương xứng với nhau. Đối âm và đối tiếng. Đối âm là âm bằng đối với âm trắc hay ngược lại. Ví dụ: "trời" (B)* đối với "đất" (Tr)**; "béo" (Tr) đối với "gầy" (B); "ăn" (B) đối với "nói" (Tr); "đi" (B) đối với "đứng" (Tr); "đất thấp" (Tr) đối với "trời cao" (B). Lấy danh từ đối với danh từ; tính từ đối với tính từ để hai tiếng ngang nhau. "sông" (danh từ) đối với "núi" (danh từ); "to" (tính từ) đối với "nhỏ" (tính từ); "rầm rầm" (trạng từ); đối với "phăng phăng" (trạng từ). Lấy chữ số đối chữ số; ví dụ:

* (B): Bằng

** (Tr): Trắc

-Một chiếc cùm lim chân có đế

Đối là:

Ba vòng xích sắt bước thì vương.

Lấy thành ngữ, tục ngữ ... đối nhau: *Đầu gối quá tai* (đối là) *Miệng dài chão rách*; *Lấm kẽ yêu hơn* nhiều người ghét (đối là) *Một câu nhện là chín câu lanh*; *Nhai kỹ no lâu* (đối là) *Cày sâu tốt lúa...*

10. CÂU ĐỐI CÂU:

Câu đối câu phải tương xứng, âm tiết mỗi câu đều phải ngang nhau.

Ví dụ: câu đầu 4 chữ, câu sau cũng phải 4 chữ:

- *Duyên kiạ đã vậy* (đối là) *thân này nương đâu.*
(Lê Ngọc Hân)

- "Núi thăm thẳm" (đối là)"Rừng xanh xanh".

Trong phép đối có hai cách: **Tiểu đối** và **bình đối**.

a) **Tiểu đối:** Là những tiếng trong một câu đối với nhau:

- *Khi gió mát* (đối là) *lúc trăng thanh.*

- *Bàn vây điểm* nước (đối là) *đường tơ hoa vần.*

Ba từ trước đối với ba từ sau, bốn từ trước đối với bốn từ sau như trên.

b) **Bình đối:** Tức câu trên đối với câu dưới:

- *Đã mang tiếng đứng trong trời đất.*

Đối là:

- *Phải có danh gì với núi sông.*

11. THỂ CÂU ĐỐI:

Câu đối thơ, câu đối phú về nguyên tắc làm như thơ như phú, cái khác một điểm là câu đối chỉ có hai câu giải quyết một đề tài, cho nên luật bằng, trắc giống nhau:

- *Lác đặc mưa sa làng Lộ Vũ*

- *Ì âm sấm động đất Phong Lôi.*

Những tiếng trắc ở về trên đều đối với tiếng bằng ở về ngược lại. (Bằng trên trắc dưới) nhưng cũng không bắt buộc như thế, câu đối thơ làm giống hai câu Thực và Luận thơ Đường và cũng được cái lệ ngoại trừ "*nhất, tam, ngũ bất luận*". Tuy nhiên, trong phép đối ở các sách xưa dạy, ta còn thấy 10 cách: "*Chính đối, đích danh đối, đồng loại đối, dị loại đối, liên chau đối, song thanh đối, điệp vận đối, song nghĩa đối, liên cảm đối, hồi văn đối.*" Đó là những quy cách để đối cho chính, cho giòn... còn làm được

câu đối hay phải hiểu biết việc đời, hiểu biết con người sâu sắc nữa.

Câu đối phú chia làm nhiều đoạn, tiếng cuối cùng của mỗi đoạn ở vế trên mà bằng thì tiếng cuối mỗi đoạn ở vế dưới phải là trắc, hoặc ngược lại:

- *Mở khép càn khôn (B), có ra tay mới biết (Tr)*

- *Ra vào tướng tướng (Tr), thủ liếc mắt mà*

coi (B)...

(*Nguyễn Hữu Chỉnh, thời Tây Sơn*)

Câu đối mình làm ra, vế trên tiếng cuối cùng bao giờ cũng phải vẫn trắc. Cho nên câu đối bao giờ cũng treo vế trắc bên tay phải (tay phải người đứng xem câu đối). Câu đối ra cho người khác đối lại, tiếng cuối cùng trắc hay bằng đều được.

* Một số câu thách đối và đối:

+ Ở Cố Loa, nhân dịp trùng tu lại đền thờ An Dương Vương, phụ lão trong làng tổ chức giải trí bằng thi văn chương sách hoạ. Một cụ đồ trong làng thách một vế đối:

- *Thuý Kiều (B) đi qua cầu (B) nhác thấy chàng Kim, (B) lòng đã trọng (Tr).*

Vé ra rất tài tình, chữ "Kiều" có nghĩa là "Câu" mà "Kim Trọng" lại là tên liền. Câu đối nêu lên được mối tình đoan trang tinh tú chớm nở trong lòng Kiều. Mãi không ai đối được, sau có một du khách tham quan đối rằng:

-Trọng Thuỷ (**Tr**) nhòm vào nước, (**Tr**)
thoáng thấy nàng Mỹ (**Tr**) Mắt rơi chau (**B**).

(Theo Vũ Ngọc Khanh).

Câu đối lại cũng tuyệt hay! "Thuỷ" là "nước" "Mỹ Châu" lại là tên liền. Cả câu sau dựng lên được tấn thảm kịch trong lòng Trọng Thuỷ sau khi xong nhiệm vụ gián điệp trở lại với lòng đau thương hối hận của mình.

+ Câu đối bằng tiếng Pháp: Ngày xưa nhiều người biết tiếng Pháp nói tiếng Pháp không dùng để ra câu đối được. Vậy mà vẫn có đôi câu đối khá hóm hỉnh, tinh nghịch toàn chữ Pháp. Khoảng năm 1934, viên toàn quyền Pie Pátkiê chết cháy trong một tai nạn máy bay khi y đang bay về nước. Có người đã làm đối câu đối bằng tiếng Pháp như sau:

- "Tous les Annamites sont si joyeux! Ce
bel incendie nous venge bien!

**- Chaque colonial est vraiment triste!
Mille dangers semblables vous attendent."**

Phiên âm:

**- "Tú lê da na mít xông xi gioay օ; xo
ben lạnh xăng đi, nu văng giơ biêng:**

**- Sác cô lô ni an e vre măng t'rít, min
đăng giê xăm bláp vu dát tăng đờ!**

Vũ Ngọc Khánh chuyển ngữ như sau:

**- "Mọi người Việt Nam đều rất hân hoan,
trận lửa đẹp kia trả thù cho chúng tôi;**

**- Mỗi chú thực dân hắn là buồn bã, nghìn
tai nạn thế vẫn đang đợi lũ mày."**

(Theo Vũ Ngọc Khánh và Hoàng Đức Thi).

Về ra:

- Vũ vô kiềm toả nắng lưu khách

Về đổi lại:

- Sắc bất ba đào dị nịch nhân.

(Mưa không then khoá mà lưu được khách lại.

Sắc đẹp không sóng gió làm đắm lòng người).

+ Trong dân gian lưu truyền một vế đổi tương
truyền rằng của bà Đoàn Thị Điểm lõm Trạng Quỳnh:

- Da trắng vô bì bạch

Nếu đúng về đối đó của bà thi sĩ họ Đoàn thì phải mấy trăm năm rồi chưa ai đối được thật hay, thật chỉnh? Tôi không còn nhớ rõ đó là vào năm bảy mấy của thế kỷ 20, trên mục *Câu lạc bộ chiến sĩ* báo Quân Đội Nhân Dân có kể chuyện về một chiến sĩ đang đánh giặc trong rừng già Trường Sơn. Một hôm ngồi trên vông giữa mưa phùn, buồn, anh bộ đội nhớ tới về đối của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã đối rằng:

-*Rừng sâu mưa lâm thâm.*

Rừng sâu mưa lâm thâm (đối với) *da trắng vỗ bì bạch* là hợp. Tôi dám chủ quan tin rằng về đối này là được nhất; *Bì bạch* cũng là *da trắng*, *Lâm thâm* cũng *rừng sâu*, vì *lâm* là *rừng* mà *thâm* là *sâu*. Tuy chữ và nghĩa còn khiên cưỡng nhưng chưa có vế nào đối chỉnh hơn nên ta tạm bằng lòng cùng vế đối của anh bộ đội trên.

Có hai vế đối truyền miệng đang bỏ ngỏ, xin mời các bạn hãy thử sức mình:

-*Song song là hai cửa sổ, hai thăng lòng* cùng *cửa sổ song song...?*

(KD)

-*Cái cút gì cũng phân, mà phân thì như cút...?*

(Thanh Tịnh)

12. CHƠI CHỮ TRONG DÂN GIAN:

-Bà già đi chợ cầu Đông

Muốn xem quẻ bói lấy chồng **Lợi** chăng?

Thày bói, gieo quẻ nói rằng:

Lợi thì có **Lợi** mà răng chăng còn.

(Ca dao)

-Môi chăng ra môi còn bẩm mép.

-Con ruồi đậu mâm xôi đậu.

-Ngựa về đường bể chạy long tong.

-Con cóc leo cây vọng cách, nó rơi xuống cọc, nó cách đến già.

-Đi trên đất thịt đường trơn như mỡ.

Dao cắt lòng, lòng đau như dao cắt.

-Hòn đất mà biết nói năng

Thì thày địa lý hàm răng chăng còn.

-Trăng bao nhiêu tuổi trăng già

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non?

Chơi chữ đồng âm trong thơ hiện đại:

-Tạm biệt đời ta yêu quý nhất

Còn mấy vần thơ. Một năm **tro**

*Thơ gửi bạn đường. Trò bón đất
Sống là cho. Chết cũng là cho.*

(Tố Hữu)

13. CHƠI CHỮ TRONG CÂU ĐỐI:

Đôi câu đối chửi tên quan tham nhũng Từ Đạm:

- Kiếp trước mơ màng con đĩ Đạm
- Đời sau gặp gỡ bố cu Từ (Đạm Tiên- Từ Hải).
- Phên đan mắt cáo mèo chui lọt
- Nghé lội ao sen ngó nổi lên.

(KD)

- Mặc áo giáp, dải cài chữ đinh
- Mậu, kỷ, canh khoe mình răng quý
- Làm đi càn, tai đeo hạt khảm
- Tốn, ly, doi khéo nói răng khôn.

(Câu đối của Hồ Xuân Hương)

14. CÁCH NÓI QUÁ SỰ THỰC.

* **Ngoa dụ:**

Một thủ pháp nghệ thuật dựa trên cơ sở phóng đại, cường điệu khi miêu tả:

-Lô mũi thì tám gánh lông
 Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng trời cho...
 -Con rận băng con ba ba
 Đêm nằm nó ngáy cả nhà thất kinh...
 . . .
 (Ca dao)

* **Nghịch lí:** Trong sáng tác văn học, nghịch lí là những điều miêu tả trái với lẽ thường, một biện pháp gây ấn tượng bất ngờ, phi thực:

-Con chuột kéo cày lối lối
 Con trâu bốc gạo vào ngồi trong cong...
 -Hùm nằm cho lợn liếm lông
 Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi...
 -Thóc giống cắn chuột trong bô
 Một trăm lá mạ đuối vồ con trâu...
 (Ca dao)

* **Ảnh dụ:** Nói cái này lại ám chỉ cái kia:
 - Hôm qua em mất váy thâm
 Hôm nay lại thấy anh cầm ô đen!...
 (Ca dao)

-Này này chị bảo cho mà biết
 Chốn ấy hang hùm chó mó tay.

-Rúc rích thây cha con chuột nhắt
Vo ve mặc mẹ cái ong bầu.

(Hồ Xuân Hương)

-Hang hùm ví bầy không ai mó
Sao có hùm con bỗng chốc tay.

(Chiêu Hồ)

Đi Câu

Thừa nhàn lăm lúc tớ đi câu,
Biết cả các loài ở cạn sâu:
Lũ bống xơi ngầm im phăng phắc,
Đàn mương ăn bẩn đến nhau nhau.
No mồm chú éch ngồi phùng má,
Đói bụng cú lươn rúc lấm đầu.
Mỗi mắc bổi chưng ăn xộp quá
Không tham chưa dễ hại gì đâu.

(K.D.)

15. KHOÁN THỦ.

Tất cả các tiếng ở đầu mỗi câu thơ khi đọc xuôi xuống đều mang một ý nghĩa mà nhà thơ đã định sẵn.

Thập kỷ 60 thế kỷ 20, từ bờ nam sông Bến Hải trở vào Nam Bộ tạm thời bị sự cai trị bằng lưỡi lê của

lính Mỹ và chế độ hà khắc Ngô Đình Diệm. Nhân dân miền Nam vẫn hướng về miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, hướng về cụ Hồ bằng cách bão nhau cùng treo bức tranh "ông già câu cá" của một nghệ sĩ dân gian có đề bài thơ tú tuyệt như sau:

- **Cụ già thong thả buông cần trúc**
Hồ rộng ênh ênh mặt nước bằng
Muôn vạn dài sen đua lóng lánh
Tuổi già vui thú với non sông.

Một tên mật vụ có chút hiểu biết về thơ phú phát hiện ra, y báo cấp trên của y ra lệnh tịch thu và cấm nhân dân treo bức tranh và bài thơ trên. Bức tranh bị cấm nhưng 4 câu thơ thì đã đi vào lòng người.

Còn nhiều bài thơ chơi chữ theo lối khoán thủ. Xin giới thiệu thêm bài theo thể Đường luật:

Gửi Bạn

Nhất sinh tôi bác biết nhau rồi,
Định đoạt hơn thua phó mặc trời.
Chúng mải công danh kỵ cóp chạy,

Ta nhìn mây nước nhẹ nhàng trôi.

Theo quan, ngán bấy câu chè lá!

Về xã, buồn thay cảnh thịt xôi.

Lê gãy theo trăng vào quán trọ,

Ninh trà, nạp thuốc, chuốc nhau chơi!

(Quá Ngôn, một nhà nho trước 1945).

Bỏ âm h ở từ Ninh đi, đó là chữ Nin: "Nhất định chúng ta theo về Lê Nin". (Trung Quốc dịch tên lãnh tụ Lê Nin là Lê Ninh).

16. MỘT HÌNH THỨC THƠ ĐỘC ĐÁO KHÁC, DẠNG TẠO MÔ HÌNH.

Kiểu trình bày bài thơ "hình phễu" của nữ sĩ Ngân Giang thật lạ. Bà sử dụng vần a: "gà, pha, hà, nga, hoà, ta" xuyên suốt bài thơ một cách tài tình, các dòng thơ dưới dần ngắn lại xếp thành "*lục - nhất lệch*":

Đường uê tre xanh rợp lối
 Suối khe vắng vắng cảnh gà
 Tình thương dài sử sách
 Ngọc đá cũng phôi pha
 Niềm tin bất diệt
 Gắn bó sơn hà
 Như Đường nga
 Tâm huyết
 Chan hoà
 Bạn
 Ta

Lệnh Hồ Sơ tể tướng thời nhà Đường, ông là bạn thân của Bạch Cư Dị. Lệnh Hồ Sơ trình bày một lối thơ "hình tháp", cũng là một kiểu chơi chữ "*nhất - thất lệch*". Mới biết "chơi" thơ cũng lắm công phu (dẫn theo Phan Văn Các):

Non
Chất ngắt
Chon von
Xanh biển biếc
Bạc mây vờn
Thương lão sâu ẩn
Tạ công xa vươn
Đá xưa khe róc rách
Thung vắng, chim ríu ran
Rừng rậm chạy dài ải lũng
Vượn kêu thấu suốt Kinh man
Người tục chết già trong gấu váy
Hươu nai tận hưởng cổ hoa thơm
(*Phan Văn Các* dịch)

Chịu ảnh hưởng từ những phương pháp ngoại
dụ, nghịch lí, ẩn dụ, chơi chữ trong ca dao dân gian,
nhiều nhà thơ nửa cuối thế kỷ 20 đã sáng tác được
những câu thơ khá hay cho nền thơ Việt Nam:

-Trời thì xanh như rút ruột mà xanh
Cây thì biếc như vân mành mà biếc.

(*Thi Hoàng*)

-Đừng buông giọt mắt xuống sông
 Anh về, dấu chỉ đò không cung chìm...
 (Đồng Đức Bôn)

-Muốn trèo lên nắng mà đi
 Muốn du lên gió mà về với nhau...
 (Đỗ Trọng Khoi)

-Gió không phải roi mà vách núi phải mòn
 Em không phải chiều mà nhuộm anh đến tím...
 (Hữu Thỉnh)

-Mẹ mượn Đèo Ngang buộc một đầu guốc vông
 Cột gỗ nhà ta, một đầu vông kẽo cà...
 (Nguyễn Hữu Quý)

-Giọt chuông Thiên Mụ rơi thầm
 Đưa dây nỗi nhớ anh cầm, Huế ơi...
 (Trương Nam Hương).

17. THỂ THƠ LỤC BÁT:

Lục bát là thể thơ dân gian của Việt Nam, âm điệu trên 6 dưới 8. Bắt đầu bằng câu 6, tiếp là câu 8, cứ thế diễn đạt cho đến hết ý. Bao giờ cũng khởi đầu bằng vần bằng; Âm thứ 6 cuối câu lục phải là âm bằng. Âm thứ 6 ở câu lục và âm thứ 6 ở câu bát phải

vần với nhau. Tiếp đến âm thứ 8 của câu bát phải
vần với âm thứ 6 ở câu lục dưới, vừa gieo vần chẵn
vừa gieo vần lưỡng. Thơ lục bát có nhịp chẵn: hai
tiếng; nhịp lẻ: ba tiếng:

- Khi nhà em/ ở phía **đông**

Mỗi ban mai,/ mặt trời hồng/ chỗ **em**

Tưởng như/ em đó./ bên **thêm**

Hồng hào/ chải mái/ tóc mềm/ xuống **vai**...

(Nguyễn Khoa Điển)

-Đường xuân/ ngân tiếng/ còi **tàu**

Trong veo/ sợi nắng/ thăm **màu**/ núi **xa**.

Mướt mà/ bờ cỏ/ vút **qua**

Vương vương/ khói bếp/ là **là**/ mây **đưa**.

Đồng Dăng/ có phố/ Kỳ **Lừa**

Vắng nghe/ câu hát/ ngày **xưa**/ giục lòng...

(Hoàng Xuân Quý)

Cấu trúc âm bằng, trắc trong thơ lục bát:

Vì âm điệu của tiếng đan âm nên phải phối bằng
trắc nhịp nhàng. Trong câu lục thì tiếng thứ 2 phải
dùng âm bằng, song không nhất định. Có thể dùng
vẫn trắc cũng được:

-Đau **đớn** thay phận đàn bà...

-**Lẩn quất** chi chốn phồn hoa...

-Xây **dọc** anh lại xây ngang

Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
(Cu Dao)

-Mành **rủ** liễu tán dương tùng

Trúc khua vách đá, lan lồng áo tiên

(Phạm Thái)

-Vắng **yếm** sôi, ngực thanh tân

Hình như cũng có đôi phần lồng lơi...

(Nguyễn Vũ Tiêm)

Trong câu bát thì âm bằng đứng thứ hai, âm thứ tư là âm trắc, âm thứ 6 là âm bằng và âm thứ 8 cũng là âm bằng:

-Chữ "tài" (B) chữ "mệnh" (Tr) khéo "là" (B)
ghét "nhau" (B).

Hay:

-Những "điều" (B) trông "thấy" (Tr) mà "đau"
(B) đớn "lòng" (B).

Cũng có thể dùng vần trắc ở âm thứ hai:

-Có **rửa** thì rửa chân tay

Chờ **rửa** lông mày chết cá ao anh.

(Ca Dao)

-Đọc theo bờ biển tôi đi

Đào **cát** ngủ nghe tiếng xe thở dài.

(Trịnh Đường)

-Từ ô cử sổ nhìn ra

Tôi **thấy** cô gái, ngôi nhà cái cây

Ngôi nhà vôi gạch đang xây

Cô **gái** đang lớn, cái cây chưa già.

(Thanh Thảo)

* Trong thơ lục bát có thể dùng lối tiêu đối ở câu 6 và câu 8:

-*Sương in mặt* (đối là) *tuyết pha sương*.

-*Người nách thước* (đối là) *kẻ tay dao*.

(Nguyễn Du)

-*Thành xây khói biếc* (đối là) *non phơi bóng vàng*.

-*Đành thân phận thiếp* (đối là) *ngại danh giá chàng*.

"*Tinh uyển chuyển của câu thơ lục bát tạo cho nó khả năng biểu hiện được nhiều lĩnh vực của cuộc sống, nhiều sắc thái của tình cảm*"... (Nguyễn Hoà Bình- Về sự đổi mới của thơ lục bát, báo Văn Nghệ số 51 ra ngày 20-12-2003).

Vào đầu những năm 70, thế kỉ trước, khi đó đang kháng chiến chống Mỹ. Bắc - Nam đang bị chia cắt làm hai miền. Trên thi đàn miền Bắc một số nhà thơ trẻ: Lý Phương Liên, Nguyễn Duy, Nguyễn Trọng Oánh, Nguyễn Trọng Tạo...đã mạnh dạn biến thể, thể thơ lục bát bằng cách bẻ đôi, bẻ ba câu lục, hay câu bát cho xuống dòng. Trường hợp Lý Phương Liên, cô gái 17 tuổi; thơ chị vừa xuất hiện đã có ngay lời khen của một bậc đàn anh: "*Một bông hoa vừa xuất hiện đã ngát hương*". Xin dẫn nguyên cả bài thơ lục bát biến thể đó:

Lời Ru với anh

*Chim băng ngoan của em ơi
 Đêm nay ngon ngủ, sáng mai lên đường
 Em ngồi nhìn ngắm yêu thương
 Cho no mắt nhớ ngày thường chim bay.
 Em muốn anh như bàn tay
 xoè ra là gấp
 Chim băng - trời biếc
 Chim băng- con trai,
 Ngủ ngoan anh nhé sáng mai lên đường
 Ở nhà bên cạnh người thương
 Để chim nghỉ cánh dặm đường đời xa*

Lồng con, phòng hẹp đôi ta
Chim băng chǎng thể quanh ra quẩn vào
Xa anh nói nhớ làm sao
Chân đứng tổ kiến lòng chao gió cành
Lẽ nào em buộc cánh anh
Buộc cánh anh,
Buộc cánh anh cũng chǎng thành tình yêu
Trời rộng chim reo
Mắt em mai sớm dõi theo chim băng
Nỗi nhớ trong lòng
Cho chim cánh gió
Cho ngày nắng nở
chim bay.
Ngủ ngoan anh nhẹ đêm nay
Để mai xa suốt tháng ngày có em.

(Lý Phương Liên)

Có trường hợp bẻ liên câu 6, hoặc câu 8 cho xuống dòng:

-Thơ yêu chǎng có một dòng
Tôi yêu
tôi để trong lòng,
tôi yêu...
Dẫu cho những sớm những chiều
Mưa Trường Sơn thấm ướt nhiều trang thơ

Dẫu cho ai có mong chờ
 Tôi không dám ước
 ai chờ đợi tôi.

(Nguyễn Trọng Oánh)

-Tre xanh
 Xanh tự bao giờ
 chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh
 (...)

Mai sau
 mai sau
 mai sau
 đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

(Nguyễn Duy)

Hoặc cho leo thang:

-Đời là sa mạc lửa thiêu
 Tôi khao khát một tình yêu cháy lòng
 Em
 con chim nhỏ
 lượn vòng
 Tôi quay lười nhốt
 giữa
 lồng
 tim
 tôi

Nhưng tôi thiếu

nắng

mặt trời

Thiếu rừng cây với núi đồi tặng chim.

(Lê Đại Thanh)

-Chia cho em một đời thơ

Một lệnh đênh

một dại khờ

một tôi

Chỉ còn cỏ mọc trên trời

Một bông hoa nhỏ

lặng

roi

mưa

dầm...

(Nguyễn Trọng Tạo)

Trong ca dao dân gian xưa, cũng thấy nhiều trường hợp dùng lục bát biến thể (còn gọi là lục bát gián thất); gieo vần trắc ở cuối câu lục và tiếng thứ 6 câu bát:

-Tò vò mà nuôi con **nhện**.

Đến khi nó lớn nó **quyện** nhau đi.

(Ca dao)

Thêm chữ ở câu lục:

- Tiếc công anh đào ao thả cá
Năm bảy tháng trời, người lạ đến câu.
- Thày mẹ em tham bạc tham tiền,
Tham con lợn béo; cầm duyên em già.
(Ca dao)

Hoặc biến hình thức cấu trúc câu; về nhập lục bát:

- Quả cau nho nhỏ
Cái vỏ vân vân
Nay anh học gần
Mai anh học xa
Tiền gạo thì của mẹ cha
Cái nghiên cái bút, thiệt là của em.
(Ca Dao)

Thi sĩ Tản Đà trong nhiều bài thơ lục bát của mình "tiên sinh" (chữ dùng của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh) cũng đã biến thể:

- Gánh tình nặng lắm ai ơi!
Tiền mang bạc giắt thuê ai đỡ cùng.
Đường đi nho nhỏ
Bờ cỏ xanh xanh
Không duyên không nợ không tình

*Đồng không quãng vắng sao mình gặp ta?
(Khối tình con II).*

Trường hợp bài "Lời ru với anh," theo chúng tôi đây là một bài thơ thể lục bát lạ đầu tiên xuất hiện ở thời kì 1969- 1970, được Lý Phương Liên sáng tác theo lối thơ lục bát biến thể nêu ở trên. Câu thứ 1, câu thứ 2, thứ 3, thứ 4 đều rất lục bát; câu thứ 5 đủ lục rồi nhưng thiếu ý, tác giả không làm như trong ca dao xưa thêm tiếng trực tiếp vào câu chưa đủ ý, mà làm thành 3 câu, mỗi câu 4 tiếng: "*Xoè ra là gấp/ Chim bằng - trời biếc/ Chim bằng con trai*", Vẫn "ai" cuối câu thứ 8 rất ăn vần với tiếng thứ sáu câu bát - 9; tiếp câu 10 được lục bát đến câu 16, sang câu thứ 17, bằng lối điệp ngữ vòng tròn:

*-Lẽ nào em **buộc cánh anh***

Buộc cánh anh

Buộc cánh anh cũng chẳng thành tình yêu.

Tạo được cảm giác mém mang như một điệp khúc triền miên ở các câu 16, 17, 18. Câu 19 lại 4 tiếng, câu 20 - 8 tiếng, câu 21, 22, 23 đều 4 tiếng, câu 24 buông thõng 2 tiếng, câu 25, 26 trở về vị trí của lục bát để hoàn thiện bài thơ.

Nếu bây giờ ai đó có làm một bài thơ thể lục bát mà hình thức như "*Lời ru với anh*" thì chẳng còn là vấn đề gì nữa, còn ở thời ấy là sự đột phá táo bạo. Sau Lý Phương Liên là Nguyễn Duy, Nguyễn Trọng Oánh, Nguyễn Trọng Tạo như chúng tôi đã dẫn ở trên.

18. THỂ SONG THẤT LỤC BÁT (STLB):

Là thể thơ cách luật của Việt Nam, với những đặc điểm như sau: Hai câu trên đều 7 tiếng, hai câu dưới là câu Lục và câu Bát, mỗi khổ thơ 4 câu và cứ thế trình tự diễn đạt cho đến hết ý. Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã dịch tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm* của Đặng Trần Côn ra thể thơ STLB rất tài hoa. "Cung Oán Ngâm Khúc" của Nguyễn Gia Thiều, "Ai Tư Văn" của Lê Ngọc Hân đều sáng tác bằng thể thơ STLB rất thành công trong nền văn học cổ điển Việt Nam.

Về nhịp điệu:

Hai câu bảy có nhịp: 3/4 hoặc 3/2/2.

Câu sáu có nhịp: 3/3 hoặc 2/2/2.

Câu tám có nhịp 4/4 hoặc 2/2/2.

Cách gieo vần:

- Tiếng thứ 7 câu thất trên và tiếng thứ 5 câu thất dưới có vần lưng với nhau. Tiếng thứ 7 câu thất dưới

có vần chẵn với tiếng thứ 6 câu lục, câu 8 chữ gieo vần như thơ lục bát. Hai câu thất luôn đứng sau câu bát.

Thí dụ:

- *Tưởng phong thể xót xa đòi **đoạn**,*

*Mặt rồng sao cách **gián** lâu **nay**!*

*Có ai chốn ấy về **đây**.*

*Nguồn cơn xin ngỏ cho **hay** được dành?*

Néo u minh khéo chia đôi ngả,

Nghĩ đòi phen, nồng nã đòi phen...

(Lê Ngọc Hân - Thời Tây Sơn)

- *Trải vánh quế, gió vàng hiu **hắt***

*Mảnh vū y lạnh **ngắt** như đồng*

*Oán chi những khách tiêu **phòng***

*Mà xui phận bạc nằm **trong** má **đào**.*

*Duyên đã may có **sao** lại rủi...*

(Đoàn Thị Điểm)

Cũng có thể mở đầu bài thơ thể STLB bằng hai câu lục bát:

- *Bác Dương thôi đã thôi rồi,*

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
 Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau
 Kính yêu từ trước đến sau
 Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời
 Cũng có lúc chơi nơi dặm khách
 Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo...

(*Nguyễn Khuyến*)

Hoặc:

-Bà Tú ơi! Bà Tú ơi!
 Té ra bà đã qua đời thực ư?
 Tôi cứ tưởng nằm mơ quái ác
 Vùng dậy thì tinh giác chiêm bao
 Tỉnh dậy, nào thấy đâu nào
 Nào đâu bóng dáng ra vào hôm mai...

(*Tú Mỡ*)

Thơ STLB có thể dùng lối bình đối ở hai câu 7 tiếng:

-Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng
 Hàng cờ bay trông bóng phất phơ.

(*Đoàn Thị Điểm*)

-Ngày sáu khắc tin mong nhạn vắng
 Đêm năm canh tiếng lảng chuông rền.

(*Nguyễn Gia Thiều*)

Tiểu đối ở câu 6 và câu 8:

-*Sông nước chảy (**đối là**) núi mây bay.*

(Tản Đà)

-*Bà về trước (**đối là**) tôi đi sau*

(Tú Mỡ)

-*Tuôn màu mây biếc (**đối là**) trải ngàn núi xanh.*

-*Gương loan bể nửa (**đối là**) dải đồng xé đôi.*

(Nguyễn Gia Thiều)

Song cách đối nhau không phải là bắt buộc; đối trong thơ STL.B là do người làm thơ có tài năng và giàu vốn ngôn từ múa bút mà đối để thể hiện nét tài hoa thi sĩ.

19. THỂ THƠ CỔ PHONG:

Còn có tên khác là thơ cổ thể, một thuật ngữ mang nội dung khá rộng, chỉ tất cả những bài thơ có vẫn mà không đối nhau. Nếu có đối nhau là tuỳ ý thích nhà thơ chứ không phải luật.

Thơ Cổ phong không có niêm, luật, không hạn chế số chữ, số câu, không gò bó vẫn nên nó có màu sắc tự do, phóng khoáng, có khả năng miêu tả, diễn

đạt phong phú hết ý mình, từ 4 câu cho đến bao nhiêu câu cũng được. Có hai cách làm thơ Cổ phong:

Độc vận và liên vận

Độc vận là cả bài chỉ dùng một vần.

Ngũ ngôn độc vận.

Ví dụ:

*Rừng lau gió lác **đá**c*

*Chim hôm nay xào **xạc***

Gánh củi lồng thững vè

*Đường quen không sợ **lạc**.*

Thất ngôn độc vận:

Hôm qua có bạn, rượu lại hết

Hôm nay có rượu, bạn không biết

Cát đi đợi bạn đến lúc nào

Cùng uống, cùng vui trời đất tí...

Khi say quên cả ai là ta

Còn hơn lúc tỉnh nhớ mà mệt...

20. THƠ LỤC NGÔN THỂ (THƠ SÁU CHỮ):

Thơ Cổ phong có lối Lục ngôn thể, là thể thơ 6 chữ trong một câu. Giọng thơ chậm chạp khoan thai:

Thơ dịch:

KhuƠng Nữ

Khuất Nguyên

-Vua Tần ngồi yên sao đành
Oán xây vạn lý Trường Thành
KhuƠng Nữ nàng ơi không chết
Ngàn năm bia đá chử trinh.

(Không nhớ người dịch)

Thơ sáng tác:

-Anh đi mười năm trở lại
Phố xá làm anh bất ngờ
Nhưng riêng chỉ đường sen ấy
Một đời anh vẫn ngắn ngợ...
Cuối thu, sen tàn lá rụng
Anh như hoá đá ven hồ...

(Bằng Việt)

21. THỂ THƠ ĐƯỜNG LUẬT:

Thơ Đường Luật xuất hiện vào đời nhà Đường bên Trung Quốc (620-905). Đường Luật là thể thơ có vần, đối nhau và hạn định bằng trắc trong thơ rất chặt chẽ. Bằng trắc phải theo đúng luật; sai là thất luật.

Khởi luật: Tiếng thứ 2 câu đầu gieo vẫn bằng thì bài thơ đó là luật bằng; tiếng thứ 2 gieo vẫn trắc thì bài thơ đó là luật trắc, theo bằng trắc như sau:

Ngũ ngôn tám câu 5 vẫn.

*Luật Bằng.

Theo bảng thanh điệu như sau:

b b tr tr b { Vẫn
tr tr tr b b { nhau

tr tr b b tr { Đối
b b tr tr b { nhau

b b b tr tr { Đối
tr tr tr b b { nhau

tr tr b b tr

b b tr tr b

*Luật Trắc:

tr tr tr b b { Vẫn
b b tr tr b { nhau

b b b tr tr { Đối
tr tr tr b b { nhau

tr tr b b tr { Đối
b b tr tr b { nhau

b b b tr tr

tr tr tr b r

Thất ngôn 8 câu 5 vần.

* *Luật Bằng:*

b b tr tr tr b b	{	Vần
tr tr b b tr tr b	{	nhau
tr tr b b b tr tr	{	Đối
b b tr tr tr b b	{	nhau
b b tr tr b b tr	{	Đối
tr tr b b tr tr b	{	nhau
tr tr b b b tr tr		
b b tr tr tr b b		

* *Luật Trắc:*

tr tr b b tr tr b	{	Vần
b b tr tr tr b b	{	nhau
b b tr tr b b tr	{	Đối
tr tr b b tr tr b	{	nhau
tr tr b b b tr tr	{	Đối
b b tr tr tr b b	{	nhau
b b tr tr b b tr		
tr tr b b tr tr b		

Niệm trong thơ Đường: Niệm của thơ Đường luật tính từ tiếng thứ 2 câu lập thành để dễ nhớ là: > Nhất- bát, Nhị- tam, Tứ- ngũ, Lục- thất > Nghĩa là:

= Tiếng thứ **nhi** câu thứ **nhất** niêm với tiếng thứ nhì câu thứ **tám**.

= Tiếng thứ **nhi** câu thứ **hai** niêm với tiếng nhì câu thứ **ba**.

=Tiếng thứ **nhi** câu thứ **tư** niêm với tiếng thứ **nhi** câu thứ **năm**.

=Tiếng thứ **nhi** câu thứ **sáu** niêm với tiếng thứ **nhi** câu thứ **bảy**.

=Câu thứ **nhất** với câu thứ **tám** bằng- trắc giống hệt nhau là hợp niêm, nếu không giống nhau về bằng -trắc là thất niêm.

Cách gieo vần: Gieo vần có hai cách: **hạn** vận và **phóng** vận. **Hạn** vận là **hạn** theo vận gì người làm thơ phải theo vận ấy mà gieo, không được làm vần khác, chỉ gieo một vần và chỉ gieo vần bằng, vần bằng nằm ở các câu 1, 2, 4, 6 và 8. Riêng chữ cuối ở câu thứ nhất, đặc biệt ở thể ngũ ngôn, có thể gieo vần hay không cũng được. **Phóng** vận: Là tuỳ ý nhà thơ muốn làm vần gì cũng được.

Cách đặt câu: Cách đặt câu phải theo như sau: Câu **đầu** gọi là Phá - "Nghĩa là mở ra". Câu thứ **nhi**, gọi là Thừa- "Nghĩa là theo ý câu Phá mà làm. Câu thứ **ba, tư** gọi Thực hay Linh- là giải nghĩa đầu bài. Hai câu thứ **năm- sáu** gọi là - Luận hay Cảnh- Nghĩa là bày tỏ ý kiến, tình cảm của người làm thơ". Hai câu **bảy và tám** là kết.

Thơ Đường luật du nhập vào Việt Nam từ bao giờ không mấy sách nói rõ, chỉ biết do thượng thư bộ công đời nhà Trần là Hàn Thuyên - tên chính của ông là Nguyễn Thuyên, người tỉnh Phú Thọ. Không rõ năm sinh, năm mất của ông. Tương truyền có cá sấu xuất hiện ở sông Lô, ông làm bài văn tế ném xuống sông đuổi, cá sấu bỏ đi. Việc làm của ông giống như Hán Dũ đời Đường nên vua Trần khen ban cho ông theo họ Hàn. Ông là người đầu tiên ở nước ta dùng luật thơ Đường vào thơ nôm, nên đời sau gọi thơ nôm làm theo luật Đường là thơ Hàn Luật, và các cụ nhà ta đã không rập khuôn theo công thức quá gò bó của Đường luật, bởi tiếng Việt vẫn điệu uyển chuyển, luyến láy biến ảo phỏng túng, theo sự gò bó ấy sẽ mất vẻ tự nhiên, nên sinh ra lệ "bất luận" -

"nhất, tam, ngũ bất luận; nhị tứ, lục phân minh" - Nghĩa là: cùng trong một câu, "tiếng thứ **nhất**, tiếng thứ **ba**, tiếng thứ **năm** gieo vần trắc hay bằng cũng được; còn tiếng thứ **hai** thứ **sáu** là thanh bằng thì tiếng thứ **tư** phải thanh trắc (và ngược lại).

Ví dụ:

Vườn Bách Thú

Dưới **dám** (tr) cây **xanh** (b) một **dây** (tr) chuồng,
 Mỗi **chuồng** (b) nuôi **một** (tr) giống **chim** (b) muông.
 Khù **khi** vua **cọp** no **nằm** ngủ,
 Nháo **nhác** dân **hươu** đói **chạy** cuồng.
 Lũ **khi** tranh **ăn** bày **lắm** chuyện,
 Đàn **chim** nổ **mỏ** hót **ra** tuồng.
 Lại **còn** một **bọn**: vài **anh** gấu,
 Hồng **hách** tranh **nhau** một **cục** xương!

(KD)

* Các Bài Mẫu:

- Ngũ ngôn tám câu 5 vần:

Hạn Vận

Mặt Trăng

Vầng vặc bóng thuyền quyên	{	Vân
Mây quang gió bốn bên	nhau	
Nể cho trời đất trăng	{	Đối
Quét sạch núi sông đen	nhau	
Có khuyết nhưng tròn mãi	{	Đối
Tuy già vẫn trẻ lên	nhau	
Mảnh gương chung thế giới		
Soi rõ mặt hay hèn.		

(K.D)

- Thất ngôn tám câu 5 vần.

Phóng Vận:

Hoài cổ

Tạo hoá gây chi cuộc hí trường	{	Vân
Bấy nay thẩm thoát mấy tình sương	nhau	
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo	{	Đối
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương	nhau	
Đá vẫn trơ gan cùng tuệ nguyệt	{	Đối
Nước còn cau mặt với tang thương	nhau	
Nghìn thu gương cũ soi kim cổ		
Cánh dây người dây luống đoạn trường.		

(Bà Huyện Thanh Quan)

- Ngũ ngôn tám câu 4 vần:

Thăm Đạo sĩ trên núi

(Lý Bạch)

Chó sủa trong tiếng suối

Hoa đào mưa đượm **tươi**

Hươu rừng thấp thoáng bóng { Đối
Chuông ngọ lặng im **hởi** nhau.

Thác bạc toé đầu núi { Đối
Trúc xanh chen màu **trời** nhau.

(Trúc Khê dịch)

- Thất ngôn tám câu 4 vần:

Tự than

Lờ dờ mặt trăng đời không bạn

Lẩn quất đầu xanh tuổi đã **già**

Sóng nổi không chìm nên mến nước

Người tan muối hợp phải lo **nhà**

Rạp tuồng Vân Cầu còn đông khách

Gác túi càn khôn đủ chứa **ta**

Hơn kém cõi đời vinh với nhục

Nhục vinh rồi cũng hoá ra **ma**.

(K.D)

Đường luật, một thể thơ gò bó rất khó chịu cho người làm thơ non tay. Một số người muốn phá cách nhưng đều thất bại. Riêng bà chúa thơ Nôm họ Hồ có 2 trường hợp phá cách lại chấp nhận được. Ở bài "Sư Hồ Mang" câu mở đầu chỉ có 6 tiếng: - "Chẳng phải Ngô, chẳng phải ta," (đúng luật phải 7 tiếng). Bài "Đèo Ba Dội" phá cách cũng ở câu mở đầu: "Một đèo, một đèo, lại một đèo" (nhi, tú, lục không phân minh). (Theo nhà giáo, nhà thơ Thân Đức Thi).

22. THỂ THƠ TÚ TUYỆT:

Còn gọi là thơ tuyệt cú, thơ 4 câu, 5 hay 7 chữ, hai hay ba vần, hoặc cả 4 câu đối nhau, hay chỉ 2 câu trên đối nhau, hoặc 2 dưới đối nhau; có thể cả 4 câu không đối nhau thành từng đôi một.

Ba Vần không đối nhau:"

Nhắn Từ Đạm

-Năm ngoái năm xưa đục mấy **vần**

Năm nay quan lại đục hai **chân**.

Khen cho đá cũng bền gan nhỉ

Đứng mãi cho quan đục mấy **lần**

(Tản Đà)

Cái Pháo

-Xác không vốn những cây tay **người**
 Khôn khéo làm sao buộc cung **rời**
 Kêu lăm lại càng xơ xác lăm
 Cũng mang một tiếng ở trên **đời.**
 (K.D)

-Hai vần, hai câu trên đồi nhau:

Danh Phận

-Người hết danh không **hết** { Đồi
 Đời còn việc vẫn **còn** nhau
 Tôi gì lo tính quẩn
 Lập những cuộc cốn con
 (K.D)

-Ba vần, hai câu dưới đồi nhau:

Con Voi

-Khen ai khéo khéo đắp đồi voi?
 Dủ cả đầu đuôi, đủ cả vòi
 Chỉ có cái kia... là đêch đắp? { Đồi
 Hay là lý trưởng bớt đi rồi. nhau.
 (Cao Bá Quát)

Hai vần, cả bốn câu đối nhau:

Mê quá nên quên dại	Đối
Tỉnh dậy mới biết say	nhau
Gần đèn càng sáng mắt	Đối
Xa dao không đứt tay	nhau.

(K.D)

Thể tú tuyệt này Bà chúa thơ Nôm cũng phá cách ở 2 bài:

-Anh **đồ** tỉnh, anh đồ say
 Sao **anh** ghẹo nguyệt giữa ban ngày?
 Nay **này** chỉ bảo cho mà biết
 Chốn **ấy** hang hùm chờ mó tay.
 -Chàng **Cóc** ơi! Chàng Cóc ơi!
 Thiếp **bén** duyên chàng có thể thôi.
 Nòng **nọc** đứt đuôi từ đây nhé
 Nghìn **vàng** khôn chuộc dấu bôi uôi!

Câu đầu 2 bài thơ trên Hồ Xuân Hương gieo 6 tiếng, theo luật: vừa bị phá cách vừa bị thất niêm, không nhất tú... (niêm thơ tú tuyệt: nhất tú, nhị tam). Từ những "dẫn dắt, ám úc dẫn bã" (Nguyễn Thụy Kha), Hồ Xuân Hương gửi "án úc" vào thơ, phá cách cả thơ đầy, các bậc hiền nhân quân tử, chữ nghĩa

hàng bồ làm gì được. Phá cách của Hồ Xuân Hương khó bắt bẻ, bởi chữ nghĩa của bà quá tài, thơ bà lại quá hay.

23. THỂ THƠ YẾT HẬU:

Yết Hậu là thể thơ có tiếng cuối câu thơ bao giờ cũng như một tiếng kêu. Thơ Yết Hậu thường làm cho vui, hoặc để giải tỏa nỗi buồn, để giễu cợt, châm biếm...

*Sóng ở dương gian đánh chén nhè,
Chết xuống âm phủ cắp kè kè
Diêm vương phán hỏi rằng: chi đó?
Be!*

(Phạm Thái, 1776-1813)

*-Vai năm tấc rộng để mà chi
Chưa tối ăn no đã ngủ khì
Mình ơi, thức dậy chiều em chút
Đi!*

*-Cả ngày bận rộn soạn văn bài
Mỗi cả xương sườn, rục cả vai
Việc ấy đòi ta đành gác lại
Mai!*

Hồ Sĩ (sưu tầm)

Sư, Vai

Sư: Chơi xuân kéo nứa già,
 Lâu nay vẫn muốn mà,
 Mời vai vào nhà hậu.
 Ta...!

Vai: Đã mang tiếng xuất gia,
 Còn đeo thói nguyệt hoa,
 Sư mõ đâu có thể?
 Ma!

Sư: Quy y bảo chǎng nghe,
 Chủng chǎng có phen què;
 Ở chùa ăn hại oǎn,
 Về!

Vai: Đầu trọc têch, nhǎn cù,
 Trông mặt khéo là nhu...
 Tu hành đâu có thể!
 Hu!

Tiểu: Thấy sự nực cười thay!
 Sư gheo vai ban ngày;
 Vai chǎng nghe, sư giận,
 Hay!

Sư: Chú tiểu thực là ngoan,
 Đã bảo chờ nói càn,
 Mai cho nhiều oắn chuối,
 Van!

Tiểu: Sư biết một mình tôi,
 Làng biết nữa đi đời.
 Đã van không nói nữa,
 Thôi!

(K.D)

24. THỂ THƠ THỦ VĨ NGÂM:

Thơ Thủ Vĩ Ngâm là thơ làm câu đầu và câu cuối giống nhau:

Khóc Ông Phủ Vĩnh Tường

Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!
 Cái nợ ba sinh đã trả rồi
 Chôn chặt văn chương ba tấc đất
 Tung hê hổ thi bốn phương trời
 Cán cân tạo hoá rơi đâu mất
 Miệng túi càn khôn khép lại thôi
 Hăm bảy tháng trời là mấy chốc
 Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!

(Hồ Xuân Hương)

25. THƠ LIÊN HOÀN:

Thơ Liên hoàn làm 2 khổ, hay nhiều khổ, mà câu cuối ở khổ thơ trên bao giờ cũng được nhắc lại ở câu đầu khổ thơ dưới. Ví dụ như bài thơ sau:

Hú Nho Tự Thán

I

Ngán nỗi nhà nho bọn hủ ta
Hủ sao hủ góm hủ ghê mà
Phen này cái hủ xưa đi hết
Cứ để cười nhau hủ mãi a?

II

Cứ để cười nhau hủ mãi a?
Cười ta, ta cũng biết răng ta
Nay đương buổi học ganh đua mới
Còn giữ lè xưa mãi thế a?

III

Còn giữ lè xưa mãi thế a?...

(K.D)

26. THỂ TRÂM:

Thể Trâm là bài văn vẫn viết để tự răn mình, hay răn người. Thường những người sống nội tâm hay dùng thể thơ này. Cách làm như sau:

Bài Trâm

*Lòng người phát động
Bởi nói mà ra
Lòng chờ nóng nẩy
Trước giữ khoan hoà
Cái máy đầu lưỡi
Nên hay gieo vạ
Lành dữ nhục vinh
Bởi tự đó cả.*

(K.D)

*-Nhịn một lần
Cho gió yên sóng lặng
Lùi một bước
Biển rộng trời cao.*

(Trích bài trâm trong Kinh Phật)

27. THỂ MINH:

Minh là bài văn vắn, đối hoặc không đối nhau, khắc lên gỗ, đá ở đình, chùa nói về công trạng nhân vật lịch sử, hay viết lên giấy dán ở nơi nào đó mà mình thích để ghi nhớ công đức, sự nghiệp của người có công. Có thể ghép những câu cách ngôn thành văn điệu, hay sáng tác để tự răn mình. Làm

bao nhiêu tiếng cũng được, nhưng lời văn phải cứng rắn gọn gàng súc tích:

Bài Minh Tu Thân

*Người xấu chớ nên nói
Minh hay chớ nên khen
Làm ơn chớ nên nhớ
Chịu ơn chớ nên quên
Lời khen không đủ mến
Chỉ lấy đức làm nền.*

(K.D)

28. THỂ PHÚ:

Phú hành văn khác với thơ. Phú có 2 thể: Cố phú và Đường phú.

+Cố phú: Có vần và không đối nhau, như một bài ca dài hay là bài văn xuôi có vần không đối nhau, không hành xích gì rối rắm.

+Đường phú: Đường phú có vần và đối nhau. Cách gieo vần cũng như thơ, có cả hạn vận và phóng vận. Mở đầu bài phú là hai câu, mỗi câu 4 tiếng theo lối bình đối:

*Vườn hoa rắc gấm
Dặng liêu buông mành*

Hai câu mỗi câu 4 tiếng đối nhau gọi là *bát tú*. Hai câu đối nhau mỗi câu 5 tiếng trở lên gọi là *song quan* (hai câu cửa), hai câu làm một vế trên đối với hai vế dưới gọi là cách cú (cách một câu mới đối). Ba bốn câu làm một vế trên, đối với dưới cũng ba bốn câu, gọi là *hạc tất* (gối đầu con hạc).

* Bài mẫu 1.

Thể phỏng vận:

<i>Vườn hoa rắc gấm</i>	<i>Bát tú</i>
<i>Giặng liêu buông mành</i>	
<i>Pháp phơi bướm bay trước gió</i>	<i>Song quan</i>
<i>Nǐ non chim hót đầu cành</i>	
<i>Giang sơn nở mặt tươi cười, trời quang mây</i>	<i>Cách Tạnh;</i>
<i>Tạo hoá ra tay tô điểm, nụ thắm cành xanh</i>	
<i>Mỗi ngày nào thu ủ đông râu sương</i>	<i>Hạc</i>
<i>sa như bạc</i>	
<i>Lá rụng như vàng, chiều tịch mịch vừa trêu</i>	<i>tất.</i>
<i>Vừa gợi;</i>	
<i>Mà nay đã trời tươi, đất tĩnh, núi vê ra mây</i>	
<i>Lá cười ra miệng, cành xuân thiều</i>	
<i>càng ngắm càng xinh</i>	
	<i>(K.D)</i>

* Bài mẫu 2, nguyên văn cả đoạn:

Mình ngồi thành thị;
 Nết đụng sơn lâm.
Muôn nghiệp lặng an nhàn thế tính;
Nửa ngày rồi tự tại thân tâm
Tham ái nguồn rừng, chẳng còn nhớ
châu yêu ngọc
Quý;
Thị phi tiếng lặng, được dầu nghe yến
oanh ngâm.
Chơi nước biếc, ẩn non xanh, nhân gian
có nhiều người đặc ý:
Biết đào hồng, hay liễu tục, thiên hạ
năng mấy chủ
Tri âm;
Nguyệt bạc vùng xanh, soi mọi chõ thiêng
hà lai láng;
Liễu mềm hoa tốt, ngất quần sinh tuệ
nhật sâm lâm.
Lo hoán cốt, ước phi thăng, đan thần mới phục;
Nhẩm trường sinh, uể thượng giới, thuốc
thỏ còn đậm
Sách Dịch xem chơi, yêu tính sáng yêu
hơn châu báu;

Kinh nhàn đọc dấu (yêu dấu), trọng lòng
rồi trọng nữa hoàng kim.

(Trần Nhân Tông)

Thể song quan và biến ngẫu.

Song quan khác với *biến ngẫu* vì tiếng thất thứ nhì gieo vần ở tiếng thứ 5, để nối vần câu cuối cùng của câu thất thứ 3 với tiếng cuối của câu thứ nhì:

Dưới kim ô đàn bạch nhạn loi thoï	{ Song
Doanh bích loâng tiếng ngư ca dặng dõi	
Đầu lâm điểm bạc tà dương ngoại	{ Song
Thừa tịch nhân ca cố độ đầu	
Gió trăng, chênh choáng rượu lung bầu	{ Song
Non nước bê bai cẩm mĩ khúc	

(K.D)

29. THƠ TỰ DO:

Thơ tự do khi mới xuất hiện có người chê là thơ buông. Thơ tự do thuộc dòng thơ mới (1930-1945). Trước nữa thi sĩ Tân Đà từng cách tân trong một số bài thơ của mình theo lối thơ tự do (thơ mới), như bài: "Cảm thu- Tiễn thu". Ngay dưới đầu đề bài thơ Tân Đà ghi: "Tháng chín năm Canh Thân-1920". Xin trích nguyên văn bài viết, "Phong trào thơ mới, muốn cùng ai trong bạn làng thơ":

-Từ vào thu tối nay
Gió thu hiu hắt
Sương thu lạnh
Trăng thu bạch
Khói thu xây thành
Lá thu rơi rụng đâu ghênh
Sông thu đưa lá bao ngàn biệt ly
Nhạn về...

"Mấy câu đó riêng tôi thật ngầm mãi không chán. Mà bài văn đó, tối nay ở báo Sài Gòn lại có người đưa ra phê bình, khi cái thời gian tôi viết ra vào khoảng 1921, lúc tôi làm việc cho báo Hữu Thanh cách đây 14 năm.

Lại như bài thơ "Hoa rụng" in ra ở **Khối tình con**, lời văn rằng:

Hoa ơi, hoa hối, hoa hời!
Đang ở trên cành bỗng chốc rơi
Nhị mềm cánh úa
Hương nhạt màu phai
Sóng chửa bao lâu đã hết đời
Thế mà hoa lại sướng hơn người.
.....

Bài này viết ra cách đây có tới 21 năm. Những điệu thơ đó thật tự tôi đặt ra, không theo niêm luật ở đâu hết, duy tôi không gọi nó là "thơ mới" mà thôi.

(Tiểu thuyết thứ bảy 30-11-1934.

Dẫn theo tuyển tập Tân Đà).

Xem như vậy thì Tân Đà là người "*đã dạo những bản đàn mở đầu*"(Hoài Thanh - Hoài Chân) cho phong trào thơ mới trước đó trên mươi năm. Thơ mới là một "*khát vọng cởi trói cho thi ca, chỉ là cái khát vọng nói rõ những điệu kín nhiệm u át, cái khát vọng được thành thực. Một nỗi khát vọng khẩn thiết đau đớn...*" (Hoài Thanh- Hoài Chân).

Phong trào thơ mới làm nên những tên tuổi lớn: Thế Lữ, Phạm Huy Thông, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên ...

Thơ tự do không có phương thức cụ thể, mỗi người làm thơ, hay mỗi bài thơ tự tác giả tạo ra nhịp điệu riêng theo cấu trúc từng song tiết, tổ hợp âm tiết cân bằng bằng trắc làm nên sự mượt mà cho từng câu thơ, bài thơ.

*Một ít nắng, (T) vài ba sương (B) mỏng thăm (T)
Mấy cành xanh/ năm bảy sắc/ yêu yêu"*

*Thế là xuân/ tôi không hỏi/ chi nhiều
Xuân đã sẵn/ trong lòng tôi/ lai láng...
(Xuân Diệu)*

Ở bài thơ khác, Xuân Diệu lại tạo nhịp thơ khác:

*Vừa xích gối chăn / mộng vàng tan biến
Dung nhan xê động / sắc đẹp tan tành
Vàng son / đang lồng lẫy / buổi chiều xanh.
Quay mặt lại / cả lâu chiều / đã vỡ...
Một chút mây đi / theo làn vùt gió.*

*-Chàng họa sĩ/ hôm nay/ vừa ném bút
Bởi vì mơ/ và thực/ chẳng đi đôi
Nét hư huyền/ thấp thoáng/ ở hồn tôi
Tài non kém/ chẳng đem vào/ lựa được.*

(Vũ Hoàng Chương)

Thơ luật làm được hay đã khó, nhưng thơ tự do làm cho hay cũng không dễ. Một nhà thơ phương Tây, hình như Thomas Steams Eliot (Mỹ) giải Nobel Văn học 1948, nói đại ý như sau: "Những người làm thơ nghiêm túc thì chẳng ai coi bất cứ thể loại nào là tự do". Báo chí, các nhà nghiên cứu, người yêu thơ thường gọi phong trào thơ 1930-1945 là thơ mới. Mới, vì nó thoát khỏi niêm luật bó buộc của thơ

Đường một chút thôi, còn câu chữ vẫn "Đầy ắp vần
diệu của dân tộc" (Trần Mạnh Hảo). "Mô típ của
Đường thi vẫn còn níu kéo các nhà thơ trong phong
trào Thơ Mới lăm" (Ngô Văn Phú). Theo tìm hiểu của
tôi, các nhà thơ tên tuổi đồng thơ mới không mấy ai
phóng bút quá mười tiếng trong một câu thơ? Trong
Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh- Hoài Chân giới
thiệu Xuân Diệu đến 13 bài thơ, duy nhất trong bài
"Vội vàng" có một câu mười tiếng: "*Cho chénh
choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng*". Còn lại đều
không quá bảy, tám tiếng trong mỗi câu. Thơ mới
giai đoạn đó, mới ở cách giải bẫy phong phú mọi
tâm tư tình cảm riêng, thể hiện được nỗi trăn trở
trước sự tù túng của lớp trí thức Tây học, cách viết
bài thơ dài ra và không chia khổ nào nhất định. Chỉ
đến kháng chiến chống Pháp, Trần Mai Ninh, Hồng
Nguyên, Chính Hữu, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Hoàng
Trung Thông, Nguyễn Đình Thi... câu thơ mới ngắn
dài vô tư, phóng túng về vần điệu. Đã bị Xuân Diệu
đưa ra phê phán ở Hội nghị tranh luận văn nghệ tại
Việt Bắc tháng 9 năm 1949, tiêu biểu là thơ không
vần của Nguyễn Đình Thi, lại được nhà văn Nguyên
Hồng đứng ra bênh vực rằng: "*Dân tộc ta nhiều bẩn
nặng. Thơ cần đi qua rất nhiều rung cảm khác nhau*

trong một bài... Tôi nói nó là một cần dùng, một sự tết yếu... Tôi tin sẽ có những bài thơ kỳ diệu của dân tộc ở trong loại thơ đó..." (dẫn theo nhà thơ Vân Long). Và sau này Nguyên Hồng làm một số bài thơ thể tự do khá hay, như bài: "Cửu Long giang ta ơi, Hồng Hà tên con dòng sông yêu dấu, Hoàng Hoa Thám quê hương"... Nhiều người nhập tâm những câu thơ này của ông:

-Lan hoang dứa mật thông nhựa lên hương
Những trưa hè ngùn ngút nắng Trường Sơn
Ngãm nghẽ voi đi
Thác Khôn cười trăng xoá...

-"Những câu thơ của nhà văn này là niềm ao ước của nhiều nhà thơ chuyên nghiệp" (Vân Long). Bùi Ngọc Tân lại khái quát bản chất thuộc tính cổ hữu tiêu cực về thơ Nguyên Hồng: "Nguyên Hồng là tác giả những bài thơ có thể làm bất kỳ nhà thơ nào ghen tỵ" (Một thời để mất).

Từ giữa thập kỷ 90 thế kỷ 20, một số cây bút, cả trẻ lẫn già xướng xuất việc đổi mới, đổi gác, thậm chí cả đổi cỏi trói cho thơ (ai trói)? Phái trẻ thì hăng hái sáng tác thứ thơ họ gọi là siêu thực, siêu hình, tượng trưng. Thơ họ "phá bỏ tính logic của sự vật và hình

tượng, thơ siêu thực không được chấp nhận còn do câu "thơ" quá tự do, phóng túng. Tự do, phóng túng tới mức không cần tính chất lọc về ngôn ngữ, vốn là tính đặc trưng của thơ; không cần cả tính kế thừa-một trong những quy luật cơ bản của nghệ thuật..." (Lê Quý Kỳ- Lại bàn về thơ siêu thực- báo Người Hà Nội số 33 ngày 18/8 2001). Phái già thì hăng hái cổ xuý. Ngôn ngữ thơ họ diễn đạt như muốn phá bỏ tính quy luật của tu từ tiếng Việt. Một lối biểu cảm ngôn từ thiếu bản sắc dân tộc, câu thơ rời rạc, ngắt quãng, từ ý này đột ngột chuyển ý khác, "đầu Ngô mình Sở", vụn vặt, loạn chữ nghĩa, rập khuôn, giẫm lên chân nhau. Nhiều bài thơ, câu thơ xơ cứng, thiếu sắc thái riêng, cố làm cho lạ, lạ đến sáo rỗng nghèo nàn những vấn đề cuộc sống con người. Mà con người luôn là điều quan trọng nhất thơ cần khai thác thì bị bỏ qua. Đồng ý rằng thơ mang tính dàn trải mông mông, không giới hạn dòng suy nghĩ, nhưng cũng không thể nói nhiều mà người đọc chẳng cảm thụ được bao nhiêu. Ví dụ:

- "Những luống hoa mới trồng. Vàng
lắn vào trăng. Một ấn tượng lem luốc ập
vào mắt. ứa ra một cảm giác bội thực.
Những con khỉ nhảy nhót. Chuồng có

chóp tròn giống ngôi đền Hồi Giáo. Để giảm áp chừng bội thực khoa học nhân bản đã chế một loài biệt dược có tên là đức tin. Không biết ở siêu thị đã chung sản phẩm này chưa? Nó tương tự Viraga cho cơ thể tinh thần.

Khỉ đực khỉ cái khỉ cháu khỉ chắt khỉ nội khỉ ngoại...cùng nhao lên với mía bắp đậu bánh mì thừa bố thí qua môi giới miễn phí của những ngón tay trung tính. Một vài con vẻ đầu lĩnh thản nhiên. Còn tất cả họ nhà khỉ đều xùm lại. Người lớn và trẻ con hởi dạ. Mặt giãn ra. Sướng run đầu gối. Nhon ném lóng mía cho con khỉ nhỏ. Nó đang ngơ ngác chưa dám nhặt. Một con đầu lĩnh bất ngờ lao xuống chụp luôn cả bịch tót lên cây. Khỉ con dạn dĩ khi cúi xuống nhặt những cái bã do những khỉ lớn thả ra.

Một cú pháp hoang dã hoành hành sách giáo khoa.

Đi bộ. Con khỉ dò xấu. Con ghét nó!

Khỉ nào chả vậy.

Nhưng con ghét nó!

Không nên can thiệp vào nội bộ người ta. Luật của động vật mà. Cho chúng ăn để con vui.

Sao nó giành phần của khỉ con?
 Khi no chúng không giành nhau nữa.
 Tôi nghiệp khỉ con quá bối!
 Nó phải chịu cho đến lớn rồi cũng
 chẳng khác gì con khỉ vờ thản nhiên kia.
 Sau khỉ ía à rái cá ía à gấu ía à đà điểu"...

(NQC)

-"Nhà thơ cười ha hả...rồi ân ái chị Hằng
 Có về chẳng câu chữ lang thang
 Câu chữ li thân thơ ai nỡ kéo ghì úc hiếp
 Hình dung quặt quẹo quỷ ma chẳng
 thể nào phụ sắn điêu hoà
 Thời gian bất giác ú oà"...

- "Mở choàng mắt

Trăng ứa giọt trăng nhòm đau đớn
 Hênh héch chân em nuốt nà ngang ngực
 Ngã ba yêu hấp hé nụ tình".

(NCB)

"Nếu phải gọi đó là thơ thì phải để nó
 trong ngoặc kép"

(Lê Quý Kỳ).

Nghệ thuật tạo hình có thể siêu thực, siêu hình,
 tượng trưng, còn như thơ truyền cảm xúc từ tâm thức

mình sang cảm xúc, tâm thức người khác bằng lời văn, lời nói. Nói có dịu dàng, ngọt ngào, êm tai người nghe mới rung, mới xúc cảm được, nói như đấm vào lỗ tai... ai nghe? Văn chương là thông điệp của tư tưởng mang tính dự báo, khơi gợi, khi mình nghĩ thì cũng để cho người đọc nghĩ với, đừng nghĩ hết cả phần người khác. Đồng ý rằng phép so sánh là một trong những biện pháp nghệ thuật của thơ, nhưng so sánh như những câu thơ siêu thực sau đây thì đọc rất khó cảm nhận:

-Có gì đó lướt trên nụ cười lưỡi dao
Như thiên nga lướt mộng mị trên mặt hồ toả sóng.
(NQT)

Dược thích theo ý mình tôi sẽ thích cách so sánh trong ca dao của các cụ nhà ta ngày xưa, vừa dung dị lại không rắc rối:

-Tiếc thay hạt gạo trắng ngắn
Đã vo nước đục lại vẫn than rơm.

Hay:

Lòng vàng che nải chuối xanh
Tiếc con chim phượng đậu cành tre khô.

Đem nụ cười lướt sắc như lưỡi dao, so sánh với thiên nga lướt trên hồ toả sóng e nó khập khiễng. Để mà nhớ, những câu ca dao dễ hơn nhớ hai câu thơ trên.

Mặt bằng thơ phát triển cần sự đa dạng nhưng phải kết hợp cả quá khứ hoà hiện tại, không nên sổ toẹt, không cần biết đến quá khứ là gì như người viết những câu thơ này:

-Rong rêu nụ cười xanh biếc
 Rồi một ngày lũ lùa bỗng đọc sách
 Kẻ ly dị cầu hôn với thơ anh
 Dù thời đại lung linh
 Anh không ăn bóng một thời thơ đã qua?
 (NMHN)

Muốn cách tân, đổi mới hay đổi gác đi chăng nữa cũng cần giữ lấy truyền thống, chỉ "Sợ mình không mang nổi / Bóng hình người xưa..." (Thơ Đỗ Quang Vinh). "Văn hoá không hề dung nạp thói vô ơn, thói qua sông đầm bút vào sóng", (Trần Mạnh Hảo). Nhà thơ Xuân Diệu đã có dự cảm từ 17 năm trước: "Những người làm thơ đừng "trộ" nhau và "trộ" người đọc về sự "mối"; cách tân phải gắn liền với truyền thống, đây là kinh nghiệm lớn của các nền thơ trên thế giới". Và Xuân Diệu còn nhấn mạnh: "Ví dụ như bây giờ mà làng thơ Việt Nam coi "siêu thực" là mới, thì đổi với châu Âu, chủ nghĩa siêu thực đã có sáu mươi tuổi...(siêu thực rồi- hxh)." Xuân Diệu-

"Sáu mươi năm phía trước," báo Văn Nghệ số 3 (1189) ngày 18-1-1986. Thơ Đường luật đã từng là thơ hiện đại của thời nhà Đường. Thơ Mới từng là thơ hiện đại thời kỳ 1930-1945. Thơ không vẫn được hiểu là thơ hiện đại thời kháng chiến chống Pháp 1946-1954 và cho đến ngày nay.

Bản chất của thơ luôn ở trạng thái động, cái này phải hay, phải khác, phải trội hơn cái kia mới thay đổi được mĩ cảm của người thưởng thức. Muốn người yêu thơ chấp nhận thơ cách tân, trừu tượng, siêu thực thì cần phải bứt phá cho có sức thuyết phục như phong trào thơ mới những năm 1930-1945, thơ không vẫn trong hai cuộc kháng chiến. Còn đem loè người đọc thứ: "*thơ phú với văn chương trên báo bấy giờ nếu không thừa cả thủng thì cũng thừa cả rõ. Nhiều bài thơ cũng nằm trong tình trạng thừa lồng mày* (thiếu con mắt- HXH). *Nhiều bài thơ cũng lúng túng như ca sĩ không biết cất tay vào đâu*"... (Phạm Tiến Duật, báo Văn Nghệ Trẻ ngày 4/11/2001). Văn biết người sáng tác văn chương là người làm công việc thầm lặng cô đơn, cô đơn với niềm hào hứng. Cũng đừng vì sự cô đơn sáng tạo của mình mà làm khổ người đọc, người nghe bằng thứ thơ bí rì hūnút.

Cố tạo những câu thơ phức tạp, dài lê thê, đã khấp kha khấp khểnh còn dung tục, ông chẳng bà chuộc, ý tú, hình tượng thô từ tiểu thuyết Tây, vay phim Mỹ...đem xào xáo lại bày lên mâm tiệc thơ. Ví mắt, mũi, mồm người yêu như mắt, mũi, mồm bò cái! Tả tình yêu sần sỏ, hôn hít đên cuồng cuồng quýt rồi ngộ nhận là lạ, là hiện đại, là mới. Mới chẳng thấy đâu, chỉ thấy bị người đọc thờ ơ, vì rằng nó kém thái, non thẳn, lại quá ư lạm phát.

"Thơ là một cõi tâm linh dẫn dắt con người vươn tới cái đẹp, cái an bình nội tại khi ta phải đối mặt với bao biến động, bất trắc. Thơ cần thiết cho tâm hồn như vậy, nhưng hình như càng ngày thơ càng bị mất đi cái ý nghĩa linh thiêng mà thơ vốn có" (Ngọc Phượng, nhà thơ, biên tập viên chính báo Văn Nghệ Sóc Trăng).

Những người quan tâm đến lĩnh vực thơ có những ý kiến khác nhau về thơ cách tân, thơ siêu thực, siêu hình hiện nay, chung nhất vẫn là chê, chê vì nó chưa hay. Thấy dư luận bức xúc quá có người khuyên hãy bình tĩnh chờ xem. Vâng, chờ ngót mười năm trời rồi nào thấy hình hài bóng dáng gì đâu? Thỉnh thoảng lẹt đẹt tiếng vỗ tay cổ vũ tập thơ này,

tập thơ kia có khói sắc. Người yêu thơ hảo hức mở ví không ngần ngại để có một tập đọc xem nó "khói sắc" đến mức độ nào? Tiếc thay, vẫn cứ ra đường là gặp bối con ông Y Văn Nguyên, "*Ú tim/ Em đi tìm/ Tôi đi nấp*" (thơ Lê Đại Thanh). Thơ mười năm trở lại đây có đốt đuốc đi tìm lấy một bài thơ hay cỡ như Tây Tiến, Dầu súng trăng treo, Nhớ, Đất nước, Bên kia sông đuống, Màu tím hoa sim, Cuộc chia ly mẫu dỗ, Lời ru với anh... bói không ra? Tình trạng "*Ai có tiền in sách là thành nhà thơ. Số lượng tập thơ tăng, tới tám chín trăm tập/năm, nhưng tập đọc được chỉ khoảng 1% số đó*" (Vũ Quần Phương -Thơ và phê bình thơ, báo Thơ số 4 tháng 10/ 2003).

"Thơ đăng báo là thơ phục vụ cho độc giả, mà độc giả của chúng ta là ai? Đó là công chức, học sinh, công nhân, thậm chí cả nông dân... Cái được của thơ trước tiên là sau khi đọc, độc giả phải hiểu bài thơ nói gì, chứ chưa nói tới giá trị của bài thơ: cái đẹp nghệ thuật, tầm tư tưởng và sự đóng góp cho cuộc sống. Có những tác giả thơ vụng về, "đội lốt" người làm thơ để mã hoá ngôn ngữ, câu cú, tạo cho mình cái gọi là tầm suy tư vĩ mô về vũ trụ, cuộc đời... "Bậy" hơn thế, có những tác giả mới thoát khỏi tuổi

vị thành niên, độ tuổi chưa đủ chín để nhìn mình, nhìn cuộc sống lại nồng cạn tưng bừng những từ ngữ, cái mà tác giả cho là thơ để ý rằng ta bứt phá, ta muốn "lột" cái "buồng the" của con người ra đây. Và "thảm thương" thay khi tác giả này lại được tung hứng, sự tung hứng lấy làm đáng tiếc từ chính vài nhà thơ có tâm" (Vương Vương, "Thơ ngày nay, cái tôi thế sự đi đâu?" Báo Văn Nghệ số 46 ngày 17/11/2001).

Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên... bước vào đường thơ đúng giai đoạn thơ mới cần thay thơ cũ, vì nó đáp ứng đúng nhu cầu thời đại. Các ông đã bắt nhịp kịp thời và khẳng định mình ở tuổi 17 - 25. Đổi mới, làm mới thơ lúc nào cũng cần thiết. Ngày xưa, bây giờ và cả sau này, đã là thơ luôn luôn cần phải mới. Ngay các nhà thơ đã hay rồi vẫn cần phải hay hơn nữa, luôn phải tự làm mới chính mình, bài thơ sau phải hay hơn bài thơ trước, tập thơ sau cần phải hay hơn tập thơ trước, chẳng ai đi ca mãi giọng ca cũ mèn.

Một đại diện trong số người làm thơ trẻ hùng hổ tuyên bố: "Thơ cũng như con người có quyền chơi các kiểu trên mọi nẻo đường đối thoại với cái chết và

sự phục sinh". Họ khuyên nhau: "*không nên mặc quần cho ngôn ngữ (thơ)*"! Hãy xem họ lột truồng: "*Những đám mây hành kinh trời xa, vòm xanh quần lột*" (VCH). Chủ nghĩa vị lai ở nước Nga vào năm 10 - 15 thế kỷ 20, có lúc họ đã cuồng nhiệt tuyên bố cho "*Cái tát vào nền văn hoá cận đại*" Nga. Họ dự đoán thế giới văn hoá công nghiệp đang tiến tới: tàu bay, tàu ngầm, nhà cao tầng, tàu vũ trụ sẽ thay cho cái đẹp thiên nhiên, thay cho cái đẹp mùa thu vàng, thay cho vàng trăng lăng mạn, thay cho rừng bạch dương trăng tuyết nước Nga. Họ đe vứt Pustkin, Dostoevski, Gogol, Tolstoi, Tsekhov... ra khỏi con tàu hiện đại của họ. Đã bị Maia Cốpxky người của chính chủ nghĩa vị lai đập lại họ bằng trường ca "*Đám mây mặc quần*" có hơi vương chút "vị lai" nhưng vẫn mang tính nhân đạo của chủ nghĩa hiện thực. Vậy mà cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, một nhà thơ trẻ Việt Nam tài cán đến đâu mà dám ngang nhiên lột quần những đám mây ngay giữa trời mà thay hành kinh. Khiếp kinh.

Có tác giả được hiểu là thành danh theo lối thơ siêu thực, siêu hình nhưng bài thơ thật hay được nhiều người yêu thơ bình trên các báo lại không phải

là thơ siêu thực, siêu hình. Bài thơ hay của họ lại rơi vào bài làm theo thể thơ truyền thống dân tộc, với giọng điệu mượt mà hồn quê. Đó là sự lúng ta lúng túng của họ. Họ đành phải than thở với nhau: "*Tôi với ông rồi sẽ có đơn lắm, chẳng ai hiểu chúng ta cả*" (dẫn theo Lê Quý Kỳ).

Tiến sĩ GS Mai Quốc liên, người vừa sáng tác vừa giảng dạy văn học ở TP HCM nhận xét trong một hội thảo gần đây: "*Thơ trẻ đang có vấn đề. Phải thấy mặt nào có tìm tòi cách nói, nhưng rồi răm hoặc tục tĩu, hoặc nhân danh hiện đại đều không ăn thua, vì không hay, vậy thôi.*"

Môn nghệ thuật nào cũng có đặc tính riêng, riêng nhưng phải mang tính tích cực, tính văn hoá, tính nhân văn còn phải cao nữa. Chớ treo đầu bò bán thịt trâu, người máu lạnh không ăn được thịt trâu, cố "xực" thịt trâu sẽ bị đầy bụng. Bước vào thế kỷ hai mốt năm thứ tư rồi, nhịp sống thế kỷ 21 đang khởi động rất mạnh trên toàn đất nước rồi đó. Hỡi thơ!

30. VỀ THƠ LEO THANG:

Thơ leo thang xuất xứ từ một dòng thơ nước Anh. Nhưng chỉ vài nhà thơ nước Anh ở thế kỷ 19

làm ít bài theo lối leo thang trong cả đời thơ, hình như họ không được người thưởng thức thơ thời đó ủng hộ lắm, nên họ thôi. Riêng thi hào Nga, Mai-a-Cópxky, cả sự nghiệp thơ ông theo lối leo thang. Với Mai-a, thơ leo thang mới tái nổi chất hùng ca hoành tráng của cuộc cách mạng Tháng Mười Nga. Mai-a rất thành công trong lối thơ này:

"*Nếu mai sau
tới
ngày tận thế*
*Hành tinh này
tan tác
ra tro*
*Riêng cầu kia
vẫn khom mình
đứng*
*Trong tro bụi
hoang tàn
đỗ nát..."*

Khi du nhập sang ta, thơ leo thang được coi là thơ tự do. Những năm 1940 nhóm thơ Dạ Đài cũng có vài người làm thơ theo lối leo thang. Tiêu biểu là thi sĩ Trần Dần, và sau này ông còn theo lối thơ này:

"Tôi bước đi
 không thấy phố
 không thấy nhà
 Chỉ thấy mưa sa .
 trên nền
 trời cỏ"

Hiện nay nhà thơ Lê Đạt là trung thành với lối thơ leo thang. Tập thơ *Bóng Chữ* in năm 1994 của ông hầu như bài nào theo lối thơ leo thang cũng hay:

Anh tìm về địa chỉ tuổi thơ
 Nhà số lẻ
 phố trò chơi bỏ dở
 Mộng anh hường
 tìm mồi em bói đở
 Giàn trâu già
 khua
 những át cơ rơi...

Thơ Lê Đạt đem đọc vội vàng thì hơi khó cảm nhận. Tôi chỉ dẫn bài Át cơ là bài nhiều người yêu thích. Lê Đạt "Là người làm mới chữ" (Vân Long). Ông dùng chữ điêu luyện, ngôn ngữ thơ ông như nhảy lách tách trên các trang giấy. Xin chép thêm bài

thơ nữa, bỏ đầu đề để các bạn đoán thử xem thi sĩ
cho ta cảm nhận về cái gì?

Sóng tháp bút

bước mở trần

âm lăng

Mưa búp măng

lung phím nắng đạo ngắn

Minh nước đập ngà

sóng vỗ trắng

Nhựa nhạc phông con nốt

khuông xuân.

Nước Mỹ cuối thập kỷ 60 thế kỷ 20, những nhà
thơ người Mỹ gốc châu Phi chuyên sáng tác bài ca
truyền miệng trình diễn đã thể nghiệm thể thơ theo
lối leo thang. Đúng hình thức là họ "thả dây thang"
(qua quan sát văn bản tiếng anh), với cung cách tách
một tiếng thả từng âm cho rơi dần xuống:

S e r p

e

n

t

i

ne screams of happiness

hot molted masses of marvlous messages
and HEAVY anger

p

o

u

r

i

n

g

forth from fiery throats

of your thick reeds
spurting rhythythms
all over

all under
and all around.

Chuyển ngữ:

-Những tiếng hét

loằng n

g

o

ă

n

g vì hạnh phúc

nóng làm rụng lông vô số thông báo tuyệt vời
và tức giận nồng nề đó

x
u
ó
n

g

từ những cổ họng bốc lửa
những lưỡi gà đầy của anh
phun ra nhịp điệu
khắp trên
khắp dưới
khắp chung quanh.

(*Nguyễn Thúy* úng dịch.)

Truyền thống đã có thơ Đường luật, thơ Lục bát, Song thất lục bát, thơ Tự do, (thơ leo thang cũng được hiểu là thơ Tự do)... sau này ai đó có "sáng chế" thêm lối thơ gì khác nữa để lập danh, dựng tiếng mà cái hay chỉ ở mức thấp lè tè, nói bô sông bô bể, cũng khó có đọc giả, chỉ để... "*Giờ bán cân bà đồng nát mua vè*" (thơ Trần NhuƠng).

Đi vào chốn mê cung của thi ca khó lăm thay. Để làm được thơ hay còn phải trau giồi học hỏi nhiều,

phải có tâm hồn phong phú, sâu sắc, có trí tưởng tượng bay bổng, có cái đầu thông minh, sự hiểu biết phải uyên bác, điêu luyện và giàu vốn ngôn từ, vừa phải là người có quyết tâm cao nua mới theo nổi cái nghề khổ ải này. Nói như nhà thơ Phạm Thiên Thư: "*Thơ hay phải dày kinh nghiệm, phải chiêm cảm quan, phải san trí tuệ, phải để (được) trong tâm, phải trầm trong nhạc, phải nạp trong tình, tự hình nổi khoảng trống, để sống với tất cả*" (Huyền ngôn). Còn làm thơ để chơi chơi, thì xin mời tất cả ai thích thì cứ việc vui vẻ làm thơ. Người cao tuổi luôn làm thơ, đọc thơ, thuộc thơ để rèn luyện trí tuệ, trí nhớ, giữ được sự minh mẫn. ." (Vích To - Huy Gô). "*Không làm gì cả, không chăm chú đến vấn đề gì cả là điều bất hạnh nhất của tuổi già*".

Khuông mai, Thanh Xuân, Hà Nội

14/ 4/ 2003 - 14/ 4/ 2004

Phần II

PHỤ LỤC

Trích những lời bàn về việc làm thơ của người xưa:

- "Những kẻ chuộng công danh bấy giờ thì chỉ theo đòn hóng gió lặt láy những chữ bã mía của tiền nhân, tập làm cái thứ văn chương hoét..."

(Phạm Đình Hổ, 1768 - 1839)

- "Thơ cốt ở ý; ý có sâu xa thơ mới hay. Phải làm cho người đọc phải suy nghĩ... Thì thơ mới hay. Không phải bất cứ điều gì cũng phải nói ra bằng lời. Như thế mới là thơ có giá trị."

(Lê Hữu Trác, 1720-1790)

- "Chỉ cần nhà thơ mất lòng tin vào cuộc đời, tài năng sẽ chết, vì anh ta không còn nghe được dòng nước ngầm của thi hứng... Vì thơ là từ con người làm ra, và để phục vụ cuộc sống con người."

(Cát-xin Ku-li ép)

- "Có khi ba năm mới nghĩ được một câu, mười năm mới làm thành bài thơ. Sao người ta lại tự mình làm khổ mình như vậy? Bởi vì khi viết văn, do ý nghĩ ra, lấy lời mà diễn đạt ý. Không thoả mãn về lời thì phải xét lại ý; không thoả mãn về ý thì phải dò lại thần; khi nào thần trọn, ý đủ, mới có thể viết thành bài văn. Cho nên nhà thơ không thể không khổ tâm rất mực vậy."

(Ngô Bá Sĩ, 1788-1867)

(Những ý kiến trên do nhà thơ Hoàng Trung Thông sưu tầm, Xuân Diệu viện dẫn. Báo Văn Nghệ số 19 (705) 17 - 5- 1977)

* Bàn về thơ, của các nhà thơ đương đại:

- "Một tác phẩm nghệ thuật phải vâng theo quy luật của cuộc sống và còn phải vâng theo quy luật của tác phẩm nữa. Cuộc sống diễn ra như một dòng sông chảy, nước dính liền nhau và đi. Nhưng một bức tranh hội họa là một khung tĩnh vật. Chỉ có quay phim, điện ảnh mới chớp được sự sống trong sự di động của nó, còn bức tranh thì phải lấy cái đứng yên mà diễn đạt cái chuyển đi, chỉ hoàn toàn lấy không gian mà cố gắng diễn đạt thời gian. Nếu muốn lấy tranh mà diễn đạt những câu chuyện, thì phải vẽ tranh liên hoàn, phải vẽ nhiều bức tranh kế tiếp nhau; nhưng mỗi bức tranh liên hoàn ấy đều phải có

quy luật riêng của nó, nghĩa là phải có một trung tâm tình cảm, cảm xúc, một sự hoàn chỉnh về hình thể! Vừa nỗi đính với bức tranh bên cạnh, vừa phải tự trọn vẹn trong nội bộ của mình. Bài thơ cũng vậy: nếu cần kể chuyện, thì làm theo thể loại thơ kể chuyện: còn thì mỗi bài thơ là một trái đơn, chỉ có một hạt, như trái xoài, chứ không phải là một trái mít nó là trái kép, thực chất là nhiều trái ở chung trong một cái vỏ. Nhiều khi, người làm thơ vì tham nói nhiều chuyện khác nhau trong một bài thơ (bởi thực tế phong phú quá) cho nên làm ra xoài nhiều hạt, đồn hai ba bài thơ trong một bài. Nhưng làm như vậy trái với quy luật thường thức của người đọc thơ; mà khi người đọc thơ không chấp nhận, khi người đọc đã rút hết cái "lượng thông tin" trong bài thơ rồi, và họ bỏ ra, thì họ cũng không dùng lại một lần thứ hai nữa đâu, bởi đây chưa phải là một tác phẩm; vì một tác phẩm, một bài thơ hay, thì, như lời đồng chí Phạm Văn Đồng nói, "một cuốn sách có giá trị, hàng chục vạn người đọc, năm này qua năm khác, đọc mãi, thế hệ này đọc, thế hệ khác đọc".

(Xuân Diệu)

(Trong việc làm thơ, báo Văn Nghệ
số 16 (702) ngày 16-4-1977)

"Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ - để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển khác thường...Làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm..Mà trước hết nên lo sao thơ phải nói lên được những tình cảm, tư tưởng mới của thời đại. Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay..."

Thơ phải có tư tưởng, có ý thức, vì bất cứ cảm xúc tình tự nào của con người cũng dính liền với sự suy nghĩ. Nhưng tư tưởng của nhà thơ là tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống. Tư tưởng của thơ nằm ngay trong cảm xúc, tình tự. Không ai đọc thơ riêng bằng trí thức mà yêu thơ. Hiểu thơ kỳ thực là vấn đề của cả tâm hồn..."

Vượt khỏi tất cả mọi luật lệ, không phải thơ trở nên buông thả, bừa bãi. Sự cẩu thả, buông lỏng chưa bao giờ đi đôi được với nghệ thuật...Nghệ thuật có kỷ luật sắt của nó, nhưng trong đó không thể là những trói buộc, lề lối định sẵn bên ngoài..."

Nguyễn Đình Thi

(Máy ý về thơ viết từ năm 1949.

Phụ bản thơ báo Văn Nghệ số 2 quý II 2003)

-(Làm) "Thơ khó như cây lúa. Nó gân gùi với ta 4.000 năm nay nhưng vẫn chưa hiểu hết, còn tranh luận về bệnh vàng lụi- Người đọc thơ không có chiêu cốt bắt cứ ai, khi nó đã là giấy trắng mực đen. Thơ có cái quy luật của nó, người đọc cũng có cái nhận thức tàn nhẫn của nó, và như thế văn học mới phát triển được.

Trong hoá học có một định luật mà học sinh phổ thông nào cũng phải thuộc. Đó là định luật bảo toàn trọng lượng của các chất tham gia phản ứng bao giờ cũng bằng trọng lượng các chất thu được sau phản ứng. Nghĩa là dầu vào bao nhiêu thì dầu ra bấy nhiêu. Trong thơ cũng đúng như thế. Muốn có thơ hay thì phải sống, phải trải, phải chiêm nghiệm, phải bóp dầu suy nghĩ. Nghĩa là cái dầu phải nặng, phải khá. Chớ suốt ngày trà lá nói dóc, tán phét mà đòi thơ hay thì không có đâu. Đó là tôi nói những người làm thơ thứ thiệt. Nói đến con ong- Con ong bay đến một bông hoa thì đã cho đời một giọt mật, còn con nhặng (có khi cũng hao hao giống con ong đấy) bay qua cả một mùa hoa cũng chẳng làm được trò trống gì, có khi lại làm thoi hoa ra cũng chưa biết chừng."

Ché Lan Viên

(Ché Lan Viên nói về thơ, báo văn Nghệ số 46 (2287) ra ngày 15/11/2003. Do TD sưu tầm)

- "Học tập thơ ca thế giới. Rất đúng và cần thiết. Vấn đề là phải tiêu hoá nó. Nhưng thơ ca dân tộc cũng nhiều cái hay lầm chừ. Sự kỳ lạ, cao rộng, sâu sắc, sự tinh tế của cha ông, chúng ta chưa học hỏi cho đến nỗi đến chốn. Có một câu ca dao Nam Bộ tôi cho là cực kỳ tài tình: "Muối chua, chanh mặn, ớt ngọt, đường cay; nhánh gừng thì đắng...từ ngày xa nhau". Đây là viên ngọc của ca dao Nam Bộ. Xa em tôi không muốn nói là tôi buồn quá, tôi khổ quá, tôi không nói là đau đớn quá mà là nỗi đau ấy làm té liệt toàn thân đến nỗi đánh lộn mọi cảm giác. Cho nên (ném) muối thành chua, (ăn) chanh thành mặn, (ăn) ớt thành ngọt, (ăn) đường thành cay, (nhấm) nhánh gừng thì đắng. Không (hết) có chữ đau, không có chữ buồn, không có chữ tệ hại, không có chữ chết toàn thân...mà chúng ta thấy tất cả, đau đớn tốt cùng. Và tôi đọc Nguyễn Trãi, lầm lúc kinh hoàng vì tính hiện đại của ông. Bây giờ chúng ta cứ hô hào hiện đại, nhưng thế kỷ XV Nguyễn Trãi đã viết như thế này: "Địa ham nguyệt hiện chăng buông cá, Rừng tiếc chim về ngại đón cây". Muốn ăn cá nhưng tiếc trăng hơn cá, không lỡ buông câu, vì buông câu thì vỡ hết cả mặt ao và trăng cũng vỡ luôn theo nước. Và không dám bẻ một nhành cây, sợi chim không về nữa. Một ông lão nhà nho ẩn khuất ở Côn Sơn cách đây năm thế kỷ mà hay và sâu sắc đến thế. Hay một câu dân ca Thái: "Yêu nhau đựng nước ở trên sàng, thả lá tre thành cá"...Đây là hiện thực, hay tượng trưng, hay là

gi? Hoặc dân ca Hà Tây: Để đáp lại câu hỏi của cô gái:
 "Trăng lên đình núi trăng tà/ Mình yêu ta thật hay là
 yêu chơi." Người con trai trả lời: "Ví bằng mình quyết
 lấy ta/ Ta về ta bán cả nhà ta đi/ Ta bán cả núi Ba Vì/
 Bán chùa Tam Thất Phật đị lầu lầu/ Ta về bán hết
 ngựa trâu/ Bán hột thầu dầu, bán trứng gà ung/ Bán
 ba mươi sáu thố công/ Bán ông Hành Khiển, vợ chồng
 Táo Quân/ Bán từ giờ Ngọ giờ Dần/ Giờ Tý, giờ Sửu,
 giờ Thân, giờ Mùi/ Ta về bán cả que cời/ Bán tro vun
 bếp, bán tăm khêu đèn/ Ta về bán trống, bán kèn/ Có
 gì bán hết lấy tiền cưới em"... Thế đây, khỏi phải trả lời
 là yêu thật hay là yêu chơi? Mà con người này cũng
 thật đặc biệt, dám bán trời, chưa đủ, bán cả thời gian,
 xưa nay chưa từng có. Đây là trường phái gì, hiện thực,
 siêu thực hay lãng mạn?. Không cần giải thích, trước
 hết ta thấy nó hay, nó chính phục trái tim ta mạnh, tức
 khắc. Nói thế để nói rằng chúng ta thật sự có những
 quả núi văn học lớn, không thua kém ai hết. Đôi mắt
 chúng ta cứ liếc sang nước ngoài. Học tập (nền văn
 học) nước ngoài là đúng nhưng đừng quên chúng ta có
 những tài sản văn học lớn. Chúng ta mới mở ra thế
 giới chúng vài năm, còn văn hoá của chúng ta hàng
 mấy nghìn năm. cái gốc mấy nghìn năm đủ cho chúng
 ta xem xét tất cả các giá trị ở đời."

(Hữu Thỉnh)

(Thơ là bữa tiệc của tâm hồn,

Phiên bản thơ báo Văn Nghệ số 5 tháng 11- 2003)

* Những bài và câu thơ tài hoa.

(Trích từ sổ tay để các bạn yêu thơ tham khảo)

- Áo chàng đỏ tựa ráng pha

Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in

(Đoàn Thị Điểm, 1705 - 1748)

- Tuyết in sắc ngựa câu giòn

Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

(Nguyễn Du, 1765 - 1820)

Mành rủ liễu, tán dương tùng

Trúc khua vách đá, lan lồng áo tiên.

(Phạm Thái, 1776 - 1813)

Tỳ bà

(Bích Khê)

(Cả bài thơ toàn văn Băng)

Nàng ơi! Tay đêm đương giảng mềm

Trắng đan qua cành muôn tay êm

Mây nhung pha màu thu trên trời

Sương lam phơi màu thu muôn nơi

Vàng sao nằm im trên hoa gầy

Tương tư người xưa thôi qua đây

Ôi nàng năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gây đê mê

Cây đàn yêu đương làm bằng thơ
Dây đàn yêu đương run trong mơ
Hồn về trên môi kêu: em ơi
Thuyền hồn không đi lên chơi voi

Tôi qua tim nàng vay du dương
Tôi mang lên lầu lên cung thương
Ôi tôi bao giờ thôi yêu nàng
Tinh tang tôi nghe như tình lang

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm Đào nguyên cho xa xôi
Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi

Thu ôm muôn hồn chơi phiêu diêu
Sao tôi không màng kêu: em yêu
Trăng nay không nàng như trăng thu
Đêm nay không nàng như đêm hiu

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân

Ô hay buồn vương cây ngô đồng
 Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mêt mông.
 (B.K)

Mây luôn dày nước qua cầu
 Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo.
 (Hàng Phương)

Những trưa hè ngùn ngút nắng Trường Sơn
 Ngãm nghĩ voi đi
 Thác Khôn cười trắng xoá.
 (Nguyễn Hồng)

Bên Sông

Gió rủ oanh đi ngàn liêu khóc
 Sông düa lạnh tới bóng trắng run...
 Thuyền ai tiếng hát bên kia vắng?
 Ghé lại cho nhau gợi chút buồn.

(Quách Tân)

Ba trận mưa mây một trận nồm
 Nhạt màu nắng quái nhuộm chiều hôm.
 (Yến Lan)

Mẹ kiếp! Một triệu thi sĩ giết- trắng mà trắng
 không chết
 Một tỉ tình nhân lấy trắng ra thè bồi, trắng
 cứ tro tro

Mà có khi trăng chết vì con lý ngư vọng nguyệt
Mê đôi mắt cá si dại kia, trăng rơi tôm
xuống hồ
(Ché Lan Viên)

-Mộng còn lưỡng vương bến xa mờ
Tiếng gà gáy rụng trăng đâu hạ.

(Hàn Mặc Tử)

-Nghiên đá đền Sơn cổ sâm rêu
Kinh thiên bút nợ đã lên meo
Muốn về nâng bút đậm nghiên đá
Pha nước Hồ Gươm viết thật nhiều.

(Bàng Bá Lân)

-Cô gái hái trộm sen
về ủ tuổi

Lồng khuy cài
gió cởi
một dòng hương.

(Lê Đạt)

-Giả vờ dao chém không đau
Cái hôm nỗi bão gãy cầu vào em.

(Hoàng Cầm)

-Thôi đừng cố đếm bao nhiêu rác
Hãy gắng nhìn cho tò chát người.

-Thùa sách thùa bài thùa lý luận

Nửa phần ma quý nửa phần tiên.

(Việt Phương)

-Kính thưa thục nữ Thị Mâu

Yêu siêu cõi đó trước sau mấy người

Thật tình dám chịu dám chơi

Dám ai vỗ cái mồi đói như em.

(Nguyễn Duy)

-Mai dành xa sông Thương tóc dài

Vạn Kiếp tình yêu anh gửi lại

Xuân ơi xuân, lẽ nào im lặng mãi

Hạ chưa về...nhưng nắng đã Côn Sơn.

(Hoàng Nhuận Cầm)

-Mải mê đuổi một cánh diều

Củ khoai nướng để cả chiêu thành tro.

(Đông Đức Bốn)

-Nhớ mẹ nhiều nhưng không ai khóc

Tiếng cười giòn neo thả tan vắng trăng.

(Hoàng Xuân Quý)

-Gạo bay bông

lông ngỗng rủ truyền kỳ

Trăng Ba Vì

sao đổi

chữ thiên di.

(Lê Đạt)

-Đất nước im súng bom

Lòng lại bầy trận mạc

Tươi tắn thế chẳng lẽ em là giặc

Bất chợt mình chưa đánh đã mong thua.

(Vân Long)

-Còn một chút hoa dong riêng cuối giậu

Sợ một chiều sương muối mang đi.

-Gió không phải là roi mà vách núi phải mòn

Em không phải là chiều mà nhuộm anh đến tím.

(Hữu Thỉnh)

-Hoa sen thả những thuyền con nho nhỏ

Đổ mặt hồ theo gió lướt băng qua.

(Hoàng Xuân Quý)

-Ngày xưa em chưa lấy chồng

Sao anh không gói nắng hồng sang chơi.

(Nghiêm Thị Hằng)

-Đục trong thì cũng một dòng

Suối đừng vo nát dòng sông làm gì.

- Hoà vào trời đất mà xanh
Vô tư mây kiếp mới thành thường dân.

- Em còn cấy bốn quăng đồng
Anh đi gánh nốt dòng sông lên đồi.

(Nguyễn Long)

- Người tôi yêu lại đi xa
Người yêu tôi ở lại nhà... chán ghê.

- Sáng cầm tay biển đạo chơi
Chiều vui họp mặt, khuya ngồi viết văn.
Bây giờ đèn tựa hòn than
Bắt đèn gió biển Nha Trang những ngày.

(Phan Thị Thanh Nhàn)

- Ta ra đi hai bàn tay trắng
Ta trở về trắng hai bàn tay.

- Ước gì ta gác gươm sườn núi đá
Tháo đôi giầy cổ thả trôi sông.

(Trần Hiến Ân)

- Giọt chuông Thiên Mụ rơi thầm
Đưa dây nỗi nhớ anh cầm, Huế ơi!

(Trương Nam Hương)

- Người về phía khói hương rồi
Con quỳ khóc chõ mẹ ngồi trống không.

(Hải Tù)

-Người quê vẫn dáng cau gầy
Ngõ quê vẫn gạch lát đầy ánh trăng.

(Lê Định Cảnh)

-Một chén rượu, chiều bao quá giấc
Giấc mơ thu- đó giấc cuộc đời.

(Hoàng Trung Thông,
Khúc Định Nguyễn)

-Ly rượu đầy không đủ cạn nỗi đau
Không đủ thắp cho lòng tôi hy vọng
Đường phố chiều đông cho lòng tôi lá rụng.
(Định Nguyễn)

-Khói bom lên trời thành một cái vòng đèn
Trên mặt đất lại sinh bao vòng trăng
Tôi với bạn tôi đi trong yên lặng
Cái yên lặng bình thường đêm sau chiến tranh.
Có mắt mát nào lớn bằng cái chết
Khăn tang vòng tròn như một số không
Nhưng bạn ơi ở bên trong vòng trăng
Là cái đau, bốc lửa ở bên trong.

(Phạm Tiến Duật)

-Ra đường gặp tiếng xưng "em"
Đêm về tôi với ngọn đèn nhìn nhau.

(Nguyễn Quang Thiều)

-Em về gom cối mùa thu
 Giã vào nỗi nhớ
 đến giờ chưa xanh.

(Trần Hoàng Thiên Kim)

-Cỏ may gỡ mai cũng ra
 Còn thương nhớ ấy gỡ ra thế nào?

(Phạm Đức)

-Gói trời xanh giấu trong lá ngoā
 Uống cạn sông Đà, sông Mā tiếng chim.
 -Soi đuốc trăng bắt con cá suối
 Nướng đỏ bình minh nhấm rượu cần.

(Hải Xuân)

-Mắt con thuyền thúng ca dao
 Chiếc lông mày đã cắm sào sông anh.

(Trần Mạnh Hảo)

-Ngoài bốn chục chưa khỏi điếu non nót
 Cả tin nghe, cả tin nói, cả tin cười
 Que diêm mảnh cứ châm bờ rạ ướt
 Khói lửa nào đắng đót trái tim côi.

(Đoàn Thị Lam Luyến)

-Người quan họ làm quan theo họ
 Đất Thuận Thành không thuận cũng thành.

(Câu đối truyền miệng)

-Về thăm làng em lái chiếc xe hơi
Người đi dón vẫn quần nâu, áo vá
Anh là cộng rơm vàng dưới bánh xe em đó
Cộng rơm vàng đập nát vẫn vàng rơm

(Nguyễn Trọng Tạo)

-Đừng buông giọt mắt xuống sông
Anh về dấu chỉ đò không cung chìm.

-Mặc kẻ nói xuôi và người nói ngược
Anh đã xéo gai rừng đâu sợ các loài sâu.

(Đồng Đức Bốn)

-Em gieo khao khát lên trời lồng gió
Mơ gặt về những đoá sao xanh.

(Trà Mi)

-Mấy ai đi hết tình đầu
Tôi ngồi rút cổ mà khâu nỗi buồn.

(Trần Quang Đạo)

-Ghen là bởi quá yêu thôi
Không yêu ai giữ của trời thành riêng?

(Thân Đức Thi)

-Lênh đênh hồn cầm sào ngang
Năm ô tuổi nhỏ buồn hoang ngọn cờ.

(Du Tử Lê)

-Sắt nhiễm từ
Hút chặt vào nhau

Chúng mình nhiễm gì đâu
Mà hút nhau như thế?

(Nguyễn Thế Cơ)

-Mẹ mượn đèo Ngang buộc một đầu guốc vông
Cột gỗ nhà ta một đầu vông kẽo cà.

(Nguyễn Hữu Quý)

-Trăng nghiêng thả sóng bập thêm
Tôi đi lấy sợi rơm mềm trói mưa.

(Quỳnh Vân)

-Bạn đã từng thương nhớ ai thắt ruột cháy lòng
Như Tổ quốc mình thắt lại ở miền trung!

(Lê Chí Quỳnh)

-Đến Trường Thành, ta được làm hảo hán
Chẽm chệ ngai vàng, ta được làm vua...
Muối tẩm vé, ta làm chi cũng được!
Nhưng, để làm người-biết lấy chi mua?

(Lưu Trùng Dương)

Tàu lao nhanh, thời gian lao nhanh
Ba cây liễu không lên tàu cũng lao vun vút
Cả ai nữa dưới sâu ba tấc đất

Cũng đương lao theo khóm liêu đồng hành.
(*Nguyễn Hoàng Sơn*)

-Chát hoá ngọt trong lòng quả trám
Mưa đâu nguồn nhói nhói chớp hùng đông.
-Còn thao thức gió - là còn...
Sông ơi xin trở lại nguồn làm mưa.

(*Bé Kiến Quốc*)

-Ta đây một bị ưu tư
Giá như cũng bán được như bán hàng.
(*Nguyễn Duy*)

-Cầm tinh trót để tình rơi
mỏ kim đáy bể người ơi, xin dừng.
(*Nguyễn Trọng Tạo*)

-Tháng tám treo liềm đêm về không ngủ
Nghiêng phía nào cũng tiếng mưa rơi.
(*Vũ Duy Thông*)

-Bím tóc lửng lơ đuổi theo gió thổi
gọi tên mình trên đường gió vu vơ.
(*Lê Thị Kim*)

- Một đời biết mấy đa mang
Con đò thoát chở nỗi buồn sang tôi
(*Trần Quang Đạo*)

-Sông Hương không chở thuyền đầy
Để cây núi Ngự uốn gầy gió đông.

(Quang Huy)

-Mồ hôi ướt cả tiếng ve
Mồ hôi ướt cả tiếng hè chang chang...

-Muốn làm cơn gió tạt ngang
Bé đôi mùa hạ cắt ngang nắng hè.

(Nguyễn Đức Lễ)

-Mạch dao cau liếc rách hồn
Ốc nhồi xưa vẫn phơi trôn lên trời.
Bao nhiêu vua chúa qua rồi
Chỉ còn chiếc váy quạt trời thi ca.

(Trần Mạnh Hảo)

-Ta với nỗi buồn trong đến đáy
Ai dì nghiêng xé một sắc ngày
Cây cổ thụ chiều về cuối nắng
Phớt màu hoa dại ở chân mây.

(Mai Linh)

-Ngã ba sông xoè đỡ cánh trăng nghiêng
Dòng nước chảy như từ dòng ánh sáng
Cơn mưa vừa đầy bờ xa thẳm
Kéo hương vườn đâu đó xích gần tôi.

(Trần Trung Hiếu)

-Ngoài cửa sổ, cây bạch dương biết thế
Trổ lên trời lặng lẽ đoá trăng quê.

(Trần Đăng Khoa)

-Tránh được cơn mưa lại ướt nỗi buồn
Sợ nắng trưa lại gấp chiều lạnh leo.

(Nguyễn Bích Huyền)

-Muốn trèo lên nắng mà đi
Muốn du lên gió mà về với nhau.

(Đỗ Trọng Khoi)

-Thôi nằm, nói chuyện triền miên
Tiếng gà kéo mảnh trăng liềm vào mây.

(Nguyễn Đức Mậu)

-Tươi cái mắt, héo cái còi
Tôi đem nén những nỗi buồn làm đưa.

(Phạm Hồng Oanh)

-Mưa da diết đứng nhặt hồi chuông rụng
Gánh lên vai mười hai nhịp Trường Tiền.

(Đinh Hồi Thủ)

-Cơm ăn mẻ bát xứ người
Vân canh cánh một góc trời chợ quê.

-Hình như cõm có bùa mê
Thúc tôi đi sớm về khuya làng Vòng.

(Đương Thuý Mỹ)

-Dây tình căng nỗi cánh cung.

(Trần Bá)

-Đang yên ả giữa cây xanh

Con đường tự xé mình thành ngã ba

Người ta về với người ta

Còn tôi, cuối buổi chiều tà, về đâu?

(Hồng Quang)

-Một tình yêu chớm nở dưới trời xanh

Con ngu si con không biết để dành

Đem tiêu hết vào những ngày hư ảo.

(Thu Bồn)

-Hãy cảnh giác với những gì miễn phí

Chẳng bao giờ tạo hoá lại cho không.

Giá đắt nhất là nụ hôn miễn phí

Cả cuộc đời trả nợ vẫn chưa xong.

(Nguyễn Bảo Sinh)

Chia biển cả giận hờn ra sóng gió

Chia anh ra em nhận được gì?

(Đặng Huy Giang)

-Những lời đang vỗ cánh

Chưa chắc là đã bay.

(Nguyễn Vũ Tiềm)

-Em về lấy tóc chẽ mây
Buộc anh đứng lại như cây sông Hàn...
-Thôi đừng cong nũa làn mi
trời sinh con mắt khỏi đi đường vòng...
-Lấy khăn mà gói bơ vơ
tay cầm nước mắt bao giờ sang sông.

(Thu Bồn)

-Giá có thể cái nhìn em cầm được
Tôi gói về bọc những cơn mơ.

(Trần Quang Quý)

Tôi muốn làm con sông chia hai bờ thương
Lại muốn làm con sông nối hai bờ nhớ.

(Lãng Thanh)

-Yếm cô gió lật rập rình
Ngực trăng nhú sáng một mình gió xen.

(Nguyễn Việt Chiến)

-Này sương, này gió, này trăng
Tôi trao em liệu có bằng người ta?
Này cây, này lá, này hoa
Em cho tôi đủ thăm qua một đời?

(Trần Ninh Hồ)

-Em đương lấy sóng làm cầu
Khơi xa làm bến, đáy sâu làm thuyền

Lấp một măt mát làm yên
 Đem duyên làm phúc, lấy tiền làm kinh.
 (Đoàn Thị Lam Luyến)

-Thôi thì thôi nỗi buồn vàng
 Thả ta xuống đỉnh trời hoang một mình.
 (Phạm Thị Ngọc Liên)

-Trăng viên mãn cuối trời đêm đêm em có nhớ?
 Mặt trăng từng khuất nẻo ở trong nhau.
 (Hoàng Hữu)

-Dòng sông Đà hùng dũng dường kia
 Giờ ngăn đập sông luôn qua cửa cống
 Biển Vũng Tàu cứ tưởng mình dài rộng
 Dàn khoan dầu, biển hoá mảnh ao quê.
 (Trần Nhượng)

-Tôi cất đi những cái bực mình
 Của một thời tôi yêu em kỳ lạ
 Để đến sau này, lỡ tôi chẳng còn gì để cho em cả
 Tôi sẽ tặng em những cái bực mình.
 (Phạm Đình Ân)

-Nhớ xưa trên mảnh đất này
 Mấy lần bom đạn xối cày... đạn bom

Giặc về cây lúa nghẹn dòng

Đói nghèo từng đẽ níu cong mái chùa.

(Nguyễn Trung Hậu)

-Lòng anh thăm thăm - lòng sông

Em ngụp lặn giữa mát trong rộng dài.

(Trần Thị Mỹ Hạnh)

- Biết rằng chiều đã cài then

Chỉ vài tia sáng hồng nhèn cuối trời...

-Bàn tay đỡ một trời yêu

Hỏi lòng ta vậy có liều hay không?!

(Viên Lan Anh)

-Trăng non sắc tựa dao cau

Bổ đêm thành những khối màu xám đen.

- Bến xưa

Người cũng xưa rồi

Ngang trời rót lại nụ cười

tiễn đưa

(Vũ Thị Huyền)

-Tất cả chúng ta đều bội thực u buồn

Có những nỗi buồn- mặt- người không nhận diện.

(Vi Thuỳ Linh)

-Liễu buồn rủ nét mi cong

Người không đến nữa còn mong nỗi gì.

(Trần Vũ Long)

-Người mà bán cái lạnh lùng

Thì ta mua cái bão bùng trong tim.

(Bình Nguyên)

-Chiều bão, nghe tin hai nửa lục bình thất lạc

Chung một đồi sông mà cách mấy cuộc đời nhau.

(Trần Thị Ngọc Hồng)

-Chỉ có cánh đồng gieo trồng ước mơ

Không có cánh đồng gặt hái ước mơ.

(Kim Ô)

-Tháo cả mặt trời

Che không đủ ấm

Đội nghìn cơn mưa

Không nhoè kỷ niệm.

(Hữu Thỉnh)

-Nói gì cho cỏ thành hoa,

Yêu nhau chừng ấy,

Gọi là yêu chưa?...

Tôi xin cất một lời thưa.

Răng,

Yêu như thế muôn xưa yêu rồi.

(Lương Ngọc An)

-Người về tôi nhọn lên nhiều

Chỉ xơ

Kim rỉ

Đâm liều vải thưa...

(Lã Thanh Tùng)

-Em lấy chồng về tận chốn xa xôi

Bỏ lại dòng sông - Bỏ đôi bờ xưa cũ

Anh vụng dại cứ chất đầy nỗi nhớ

Sông và Em lấp kín cả đôi bờ.

(Ngô Đăng Khoa)

-Liễu buồn rủ nét mi cong

Người không đến nữa còn mong nỗi gì.

(Trần Vũ Long)

-Người mà bán cái lạnh lùng

Thì ta mua cái bão bùng trong tim.

(Bình Nguyên)

-Chiều bão, nghe tin hai nửa lục bình thất lạc

Chung một đời sông mà cách mấy cuộc đời nhau.

(Trần Thị Ngọc Hồng)

-Chỉ có cánh đồng gieo trồng ước mơ

Không có cánh đồng gặt hái ước mơ.

(Kim Ô)

-Tháo cả mặt trời

Che không đủ ấm

Đội nghìn cơn mưa

Không nhoè kỷ niệm.

(Hữu Thỉnh)

-Nói gì cho cỏ thành hoa,

Yêu nhau chừng ấy,

Gọi là yêu chưa?...

Tôi xin cất một lời thưa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tham khảo từ nhiều giáo trình văn học, Tác phẩm lý luận văn học, Lịch sử văn học Việt Nam, các tài liệu nghiên cứu Ngôn ngữ, Từ điển văn học, tài liệu chuyên đề, các hợp tuyển thơ, các tác phẩm thơ của nhiều nhà thơ cùng nhiều loại hình báo chí khác... ...

Gồm những tác giả: Nguyễn Thiện Kế, Ngô Đức Kế, Kiều Oanh, Mậu, Dương Quảng Hàm, Tản Đà, Bùi Kỷ, Ngô Tất Tố, Hoài Thanh, Quách Tấn, Xuân Diệu, Vũ Ngọc Khanh, Đinh Trọng Lạc, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi... ...

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà Xuất bản	5
Phản I: Giới thiệu các luật thơ, thể thơ, cách làm thơ	7
1. Vẽ ngữ âm tiếng Việt	7
2. Gieo vần trong thơ	9
3. Lấy từ trong thơ	17
4. Điệp ngữ trong thơ	20
5. Phương pháp sóng đôi trong thơ	27
6. Đảo ngữ trong thơ	28
7. Phương pháp đối lập trong thơ	31
8. Phản ngữ trong thơ	33
9. Cách đổi âm trong thơ, phú	34
10. Câu đối câu	35
11. Thể câu đối	36
12. Chơi chữ trong dân gian	41
13. Chơi chữ trong câu đối	42
14. Cách nói quá sự thật	42

15. Khoán thù	44
16. Một hình thức thơ độc đáo khác, dạng tạo mô hình	46
17. Thể thơ lục bát	49
18. Thể thơ song thất lục bát	59
19. Thể thơ cổ phong	62
20. Thơ lục ngôn thể (thơ sáu chữ)	63
21. Thể thơ đường luật	64
22. Thể thơ tứ tuyệt	72
23. Thể thơ yết hậu	75
24. Thể thơ thù vĩ ngâm	77
25. Thơ liên hoàn	78
26. Thể trâm	78
27. Thể minh	79
28. Thể phú	80
29. Thơ tự do	83
30. Về thơ leo thang	99
Phần II: Phụ lục	106
* Bàn về thơ, của các nhà thơ đương đại	107
* Những bài thơ và câu thơ tài hoa	113
* Tài liệu tham khảo	133

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
19 Nguyễn Bình Khiêm - ĐT: (04) 9434239

**GIỚI THIỆU CÁC LUẬT THƠ,
THỂ THƠ, CÁCH LÀM THƠ**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Lưu Xuân Lý

Biên tập:

Trần Phương Trinh

Trình bày bìa:

Bùi Anh Hoàng

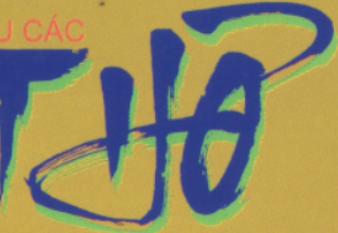
Sửa bản in:

Tác giả

Ché bán và in tại City CP Đông Tác - Nhà sách Tràng An

In 500 cuốn, Khổ 13 X 19 tại Trường THKT In. Giấy phép xuất bản số: 79 -644/
XB-QLXB cấp ngày 20/5/2004. Trích ngang KHXB: 79- 644/ XBDT- GP
cấp ngày 30/6/2004. In xong nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2004.

GİRİ THIẾU CÁC
LUẬT THỂ
CÁCH LÀM



¥584 303



PHÁT HÀNH TẠ
nhà sách TRÀNG AN
TEL: 5113040 - 511757



G.T.L. THƠ
Nhóm: 010

14.000đ

019153